

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-UBND

Hà Tĩnh, ngày tháng 01 năm 2021

DỰ THẢO

BÁO CÁO

Về việc thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới cho huyện Vũ Quang năm 2020

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 về việc phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020; số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 về việc ban hành tiêu chí huyện nông thôn mới và thành phố, thị xã trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 về việc ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020; số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 về việc ban hành điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 69/QĐ-BNN-VPĐP ngày 09/1/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 35/TT-BNNPTNT ngày 26/12/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn thực hiện tiêu chí huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Hà Tĩnh: Số 05/2017/QĐ-UBND ngày 07/2/2017, số 17/2018/QĐ-UBND, số 28/2019/QĐ-UBND về việc ban hành Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới, bổ sung, sửa đổi Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2017 - 2020 thực hiện trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh;

Theo đề nghị của UBND huyện Vũ Quang tại Tờ trình số 174/TTr-UBND ngày 30/11/2020 về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020.

Trên cơ sở báo cáo thẩm tra của các sở, ngành phụ trách tiêu chí, hồ sơ đề nghị thẩm tra huyện Vũ Quang đạt chuẩn nông thôn mới, báo cáo tổng hợp của Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh tại Văn bản số /VPĐP-KHNVS ngày /01/2021, UBND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và thực hiện các tiêu chí huyện đạt chuẩn nông thôn mới cho huyện Vũ Quang năm 2020, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM TRA:

1. Về hồ sơ:

Hồ sơ đề nghị xét, công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới của huyện Vũ Quang đầy đủ theo quy định tại Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày

30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020, gồm:

- Nghị quyết số 115/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc một số cơ chế, chính sách tạo nguồn lực xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2019 - 2020;

- Tờ trình số 174/TTr-UBND ngày 30/11/2020 về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020;

- Tổng hợp danh sách các xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn huyện Vũ Quang;

- Báo cáo số 327/BC-UBND ngày 24/2/2020 của UBND huyện Vũ Quang về kết quả xây dựng nông thôn mới đến năm 2020 của huyện Vũ Quang;

- Báo cáo số 314/BC-UBND ngày 24/2/2020 của UBND huyện Vũ Quang về tổng hợp ý kiến tham gia về kết quả thực hiện xây dựng huyện nông thôn mới trên địa bàn huyện Vũ Quang;

- Biên bản họp ngày 24/2/2020 của UBND huyện Vũ Quang về việc đề nghị xét, công nhận huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020;

- Báo cáo số 456/BC-UBND ngày 10/3/2020 của UBND huyện Vũ Quang về tình nợ xây dựng cơ bản và cân đối nguồn lực trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Vũ Quang;

- Video clip và hình ảnh minh họa một số kết quả chủ yếu thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Vũ Quang.

2. Về kết quả thẩm tra các tiêu chí xã nông thôn mới (theo các Quyết định: 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và 05/2017/QĐ-UBND ngày 07/2/2017, số 17/2018/QĐ-UBND, số 28/2019/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hà Tĩnh)

Đến cuối năm 2019 huyện Vũ Quang có 11/11 xã đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định, đến nay, sau quá trình sáp nhập xã có 09/09 xã đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định (đạt 100%), sau khi đạt chuẩn các xã đều nâng cấp mức độ đạt chuẩn các tiêu chí, cập nhật theo Bộ tiêu chí mới. Một số kết quả chủ yếu xây dựng nông thôn mới của các xã, cụ thể:

2.1. Tiêu chí số 1 về Quy hoạch:

Quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã được lập, phê duyệt đúng quy định, chất lượng tốt, thực hiện song hành với 2 Đề án: Đề án xây dựng nông thôn mới, Đề án phát triển sản xuất nâng cao thu nhập cho người dân; việc công bố, công khai, niêm yết bản đồ quy hoạch đúng quy định, đối với quy hoạch xây dựng nông thôn mới cấp xã được phổ biến rộng rãi và treo bản đồ tại trung tâm xã và nhà văn hóa các thôn, xóm để nhân dân biết và thực hiện, lập kế hoạch và tổ

chức cấm mốc thực địa theo quy hoạch được phê duyệt. UBND xã đã xây dựng quy chế quản lý quy hoạch trình UBND huyện phê duyệt và tổ chức thực hiện, quản lý quy hoạch theo quy chế. Đồng thời trong quá trình tổ chức thực hiện, các xã đã rà soát và điều chỉnh kịp thời những bất cập trong quy hoạch. Việc thực hiện quy hoạch được tuân thủ, không vi phạm quy hoạch. Thực hiện Đề án sáp nhập các đơn vị hành chính cấp xã (theo Nghị quyết số 653/NQ-QH13 của UBTVQH về sắp xếp các đơn vị hành chính giai đoạn 2019-2021), huyện Vũ Quang sắp xếp lại 04 đơn vị hành chính cấp xã thành 02 xã (thành lập xã Quang Thọ trên cơ sở nhập xã Hương Thọ và xã Hương Quang; thành lập xã Thọ Điền trên cơ sở nhập xã Sơn Thọ và xã Hương Điền). Đến nay, đã phê duyệt xong quy hoạch chung xây dựng xã sau sát nhập theo quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng về việc Hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn.

Đánh giá: Đến nay, 09/09 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 1 về Quy hoạch.

2.2. Tiêu chí số 2 về Giao thông:

Trong 10 năm thực hiện Chương trình, huyện Vũ Quang đã huy động 955,3 tỷ đồng thực hiện làm mới và nâng cấp cải tạo 55,779km đường trục xã, 300,12km đường trục thôn, ngõ xóm, nội đồng; làm mới 109,31km rãnh thoát nước; trồng mới 70,77km cây bóng mát. Hàng năm huyện Vũ Quang luôn là đơn vị được đánh giá cao trong phong trào giao thông nông thôn, được UBND tỉnh tặng Cờ thi đua xuất sắc trong phong trào giao thông nông thôn năm 2016.

- Đường trục xã, liên xã: Tổng chiều dài 70,779km; đã được nhựa hóa, bê tông hóa đạt chuẩn 70,779km, tỷ lệ đạt chuẩn 100% (*tăng 89% so với năm 2010*). Các tuyến đường trục xã, liên xã trong huyện cơ bản đạt quy mô nền đường rộng tối thiểu 6,5m, mặt đường rộng tối thiểu 3,5m đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm; mỗi xã có 01 tuyến đường qua trung tâm hành chính xã có quy mô nền đường rộng tối thiểu 9,0m, quy mô mặt đường rộng tối thiểu 5,0m.

- Đường trục thôn, liên thôn: Tổng chiều dài 172,04 km; đã được nhựa hóa, bê tông hóa đạt chuẩn 152,53km, chiếm tỷ lệ 88,6% (*tăng 64,2% so với năm 2010*); Các tuyến đường trục thôn, liên thôn trong huyện cơ bản đạt quy mô nền đường rộng tối thiểu 5,0m, mặt đường rộng tối thiểu 3,5m đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.

- Đường ngõ, xóm: Tổng chiều dài 171,69km; đã được nhựa hóa, bê tông hóa đạt chuẩn 150,45km, chiếm tỷ lệ 87,6% (*tăng 54,5% so với năm 2010*); Các tuyến đường ngõ xóm tại các xã trong huyện cơ bản đạt quy mô nền đường rộng tối thiểu 5,0m, mặt đường rộng tối thiểu 3,0m đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm; đảm bảo thoát nước tốt không gây ô nhiễm môi trường, sạch sẽ và không lầy lội vào mùa mưa.

- Đường trục chính nội đồng: Tổng chiều dài 120,39km; đã cứng hóa đạt chuẩn 98,54km, chiếm tỷ lệ 81,8% (*tăng 80,2% so với năm 2010*); Các tuyến

đường trục chính nội đồng trong huyện cơ bản đạt quy mô nền đường rộng tối thiểu 5,0m, mặt đường rộng tối thiểu 3,0m; đảm bảo cho xe cơ giới vận chuyển hàng hóa thuận tiện trong sản xuất.

- Các đoạn đường trục xã và trục thôn trong khu dân cư có rãnh tiêu thoát nước hai bên đường: Tổng chiều dài các đoạn đường trục xã, liên xã, trục thôn, liên thôn qua khu dân cư cần làm rãnh thoát nước là 160,35km, trong đó có 134,68km đã có rãnh thoát nước hai bên đường, chiếm tỷ lệ 83,9% (*tăng 75% so với năm 2010*); các đoạn rãnh thoát nước thường xuyên được nhân dân trong thôn nạo vét, khơi thông đảm bảo khả năng thoát nước tốt không để đọng nước vào mùa mưa.

- Đường trục xã có trồng cây bóng mát (*đối với những đoạn có thể trồng được*), khoảng cách cây tùy loại cây nhưng đảm bảo khả năng giao tán sau khi trưởng thành: Tổng cộng có 70,77km đường trục xã, liên xã cần trồng cây xanh bóng mát; hiện nay cả 70,77km đường trục xã, liên xã đã được trồng cây xanh bóng mát, rào và được quan tâm chăm sóc.

Đánh giá: Đến nay, 09/09 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 2 về Giao thông.

2.3. Tiêu chí số 3 về Thủy lợi:

Trong 10 năm qua, đã nâng cấp, xây dựng được 60,12km, lũy kế đến nay, trên địa bàn toàn huyện đã kiên cố hóa đạt chuẩn 114,32/114,32km (đạt 100%). xây mới, nâng cấp, sửa chữa 07 hồ chứa. Hiện nay, đang triển khai xây dựng, sửa chữa 03 hồ chứa (Cây Trâm (Đức Liên), Nãy Cầu (Đức Hương), Đập Bướm (Quang Thọ)). Nhìn chung, hệ thống thủy lợi cơ bản đáp ứng nhu cầu tưới, tiêu trên địa bàn huyện. Diện tích cây trồng lâu năm tập trung (cam, bưởi trên 0,5ha/vùng) trên địa bàn huyện đã được áp dụng công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước đạt tỷ lệ 21,1%.

Các xã đã thành lập Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn do đồng chí Chủ tịch UBND xã làm Trưởng Ban, đồng thời phân công nhiệm vụ cho từng thành viên; xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện hiệu quả Kế hoạch phòng, chống thiên tai; xây dựng phương án ứng phó thiên tai thường xuyên xảy ra trên địa bàn; thường xuyên tổ chức tuyên truyền tập huấn, phổ biến kiến thức cho cán bộ và Nhân dân vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng hưởng thiên tai.

Đánh giá: Đến nay, 09/09 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 3 về Thủy lợi.

2.4. Tiêu chí số 4 về Điện:

Giai đoạn 2011 - 2020, các xã trên địa bàn huyện được đầu tư nhiều dự án khác nhau, như: Dự án năng lượng nông thôn II, dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia và các dự án ngành điện như Tái Thiết Đức, khắc phục bão lụt, giảm tổn thất điện năng, xây dựng cơ bản, sửa chữa lớn, nhỏ, sửa chữa thường xuyên,... xây mới 69 trạm biến áp với tổng công suất 22.058kVA; nâng cấp, xây dựng 90,019km đường trung áp, 328,138km đường dây hạ áp; di dời 405 cột điện để đảm bảo cấp điện an toàn đạt tiêu chuẩn và đảm bảo nhu cầu sử dụng

điện đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Đến nay, 09/09 xã của huyện Vũ Quang đạt tiêu chí Điện theo Quyết định số 4293/QĐ-BCT ngày 28/10/2016 của Bộ Công thương quy định phương pháp đánh giá thực hiện Tiêu chí số 4 về điện nông thôn trong Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020; đảm bảo yêu cầu, bao gồm: Hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật về điện và đạt 100% tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn điện.

Đánh giá: Đến nay, 09/09 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 4 về Điện.

2.5. Tiêu chí số 5 về Trường học:

Thời điểm năm 2011, toàn huyện có 33 trường học gồm 12 trường Mầm non, 12 trường Tiểu học, 07 trường THCS, 2 trường THPT. Nhiều trường có diện tích không đảm bảo quy định, hệ thống phòng học cấp 4 nhiều cơ sở vật chất trường học khó khăn, xuống cấp.

Giai đoạn 2011-2020, thực hiện công cuộc xây dựng nông thôn mới gắn với xây dựng trường chuẩn chân quốc gia. Trong những năm qua, mạng lưới trường lớp mầm non và phổ thông, được sắp xếp lại gắn nhằm nâng cao chất lượng dạy học. Đến nay, toàn huyện có 31 trường học gồm 12 trường MN; 10 trường tiểu học; 04 trường THCS, 03 trường liên cấp TH-THCS. Có 29/31 trường số trường đạt chuẩn quốc gia, tỷ lệ 93,5%, trong đó: Mầm non 11/12 trường (91,6%), Tiểu học 10/10 trường (100%), THCS và TH&THCS 6/7 trường (85%).

Cơ sở vật chất, thiết bị trường học được tập trung đầu tư, trong đó có 100% số trường đã có quy hoạch tổng thể và quy hoạch chi tiết; xây mới với 98 phòng học, 60 phòng học chức năng, 12 thư viện, 14 nhà giáo dục thể chất và nhà tập đa chức năng, 10 nhà bếp phục vụ ăn bán trú, 12 vườn cổ tích, 20 công trình vệ sinh; ngoài ra nâng cấp hàng trăm phòng học, phòng chức năng, công trình vệ sinh,..... ; Tổng kinh phí ước tính hơn 315 tỷ đồng.

Khuôn viên các trường học được quy hoạch, mở rộng đảm bảo diện tích; hệ thống sân chơi, bãi tập, nhà để xe, nhà vệ sinh cho giáo viên và học sinh luôn được quan tâm; hệ thống cấp thoát nước, điện phục vụ hoạt động của nhà trường được đầu tư đồng bộ, hầu hết các trường học đều đảm bảo khuôn viên xanh - sạch - đẹp - an toàn; 100% trường học có kết nối Internet, có Website thông tin hoạt động thường xuyên; trang thiết bị, đồ dùng phục vụ giảng dạy, học tập, nghiên cứu được trang bị cơ bản đầy đủ.

Vũ Quang là một huyện miền núi nhiều thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai nên cơ sở vật chất trường học nhanh xuống cấp. Tuy nhiên, qua quá trình xây dựng nông thôn mới luôn được địa phương quan tâm nâng cấp, bổ sung. Đến thời điểm hiện nay, Vũ Quang là một huyện có tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia cao, cơ sở vật chất trường học các cấp đáp ứng yêu cầu của trường có CSVN đạt chuẩn.

Đến nay, có 29 trường học MN, TH, THCS tại 9/9 xã có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia.

Đánh giá: Đến nay, 09/09 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 5 về Trường học.

2.6. Tiêu chí số 6 về Cơ sở vật chất văn hóa:

Trong 10 năm thực hiện Chương trình toàn huyện đã xây mới, nâng cấp 11 nhà văn hóa, khu thể thao xã; xây mới 49 nhà, nâng cấp 24 nhà văn hóa thôn; xây dựng, chỉnh trang 66 khu thể thao thôn; xây dựng 09 khu vui chơi giải trí dành cho người cao tuổi và trẻ em.

- Toàn huyện có 09/09 xã có nhà văn hóa xã đạt chuẩn về diện tích đất và chỗ ngồi. 100% Trung tâm văn hóa, thể thao xã được bố trí đầy đủ các phòng chức năng, công trình phụ trợ và cơ sở vật chất trang thiết bị đảm bảo tổ chức hoạt động cộng đồng thường xuyên và tổ chức các sự kiện tập trung, hội nghị toàn xã.

- Có 09/09 xã có sân vận động và khu thể thao xã diện tích trên 13.000m², có sân bóng chuyền, bóng chuyền hơi, cầu lông, bóng bàn, sân khấu ngoài trời, hệ thống thoát nước, hàng rào, cây xanh.

- 100% các xã và thị trấn thuộc huyện Vũ Quang được bố trí khu vui chơi giải trí người già và trẻ em xã, trong đó một số xã xây dựng được các công viên mini, quảng trường. Được bố trí vị trí thuận lợi, có mặt bằng sạch đẹp, có dụng cụ tập thể dục, sân bóng hơi, cờ tướng, cây xanh, bàn ghế đá,...

- Có 73/73 thôn có nhà văn hóa, khu thể thao thôn đạt chuẩn, đảm bảo thu hút đông đảo nhân dân đến tham gia sinh hoạt và tổ chức các hoạt động thường xuyên. 100% nhà văn hóa thôn có công trình phụ trợ, trang thiết bị đủ theo quy định, trong đó 100% thôn có niêm yết đầy đủ các bộ tiêu chí nông thôn mới và tiêu chí xây dựng Gia đình văn hóa, Khu dân cư văn hóa và công khai hương ước, nội quy hoạt động thôn. 100% thôn có khu thể thao thôn đạt chuẩn diện tích trên 2000m², có sân bóng chuyền, sân bóng chuyền hơi dụng cụ tập thể dục xà đơn, xà kép, thang vận vộng. Các khu thể thao đều có khuôn viên sạch đẹp, có cây xanh, hàng rào đảm bảo hoạt động an toàn.

- Tỷ lệ hàng rào xanh tại các công trình văn hóa, thể thao ở xã, thôn trên địa bàn huyện Vũ Quang đạt trên 70%, nhiều công trình hàng rào xanh tạo điểm nhấn xanh - sạch - đẹp, vừa tiết kiệm kinh phí xây dựng, vừa bảo vệ môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu trong xu hướng cứng hóa và bê tông hóa hiện nay.

Đánh giá: Đến nay, 09/09 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 6 về Cơ sở vật chất văn hóa.

2.7. Tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

- Sau sáp nhập, huyện Vũ Quang có 09 xã và 01 thị trấn. Theo quy hoạch phát triển hệ thống chợ trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025, địa bàn huyện có 05 đơn vị cấp xã có quy hoạch chợ (trong đó, 01 chợ chưa xây dựng và 01 chợ tại thị trấn). Hiện trạng có 01 chợ hạng II (chợ

Hương Đại, thị trấn Vũ Quang) và 3 chợ nông thôn hạng III. Đến nay 4/4 chợ đã thực hiện chuyển đổi mô hình quản lý sang Doanh nghiệp/Hợp tác xã quản lý (01 chợ thực hiện chuyển đổi gắn với chuyển quyền sở hữu tài sản, gồm: Chợ Bông; 3 chợ còn lại thực hiện chuyển đổi không gắn với chuyển quyền sở hữu tài sản).

Đến nay huyện có 03/03 chợ nông thôn được thẩm định đạt chuẩn theo quy định tại Quyết định 4800/QĐ-BCT ngày 08/12/2016 của Bộ Công Thương.

- 06 xã còn lại (05 xã không quy hoạch chợ, 01 xã quy hoạch chợ sau năm 2025), hệ thống cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn gồm: 18 cửa hàng tiện lợi và 32 cửa hàng tạp hóa đạt chuẩn theo quy định, các tổ chức, cá nhân kinh doanh đã chủ động đầu tư các cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, cửa hàng tạp hóa phù hợp với quy định, hướng dẫn của ngành; hàng hóa được bố trí sắp xếp khoa học, đáp ứng yêu cầu tiêu chí về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn.

Đánh giá: Đến nay, 09/09 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn.

2.8. Tiêu chí số 8 về Thông tin và truyền thông

- 09/09 xã trên địa bàn huyện Vũ Quang đều có ít nhất 01 điểm phục vụ bưu chính, đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ bưu chính, viễn thông của các tổ chức và nhân dân địa phương như gửi bưu phẩm, bưu kiện, chuyển tiền nhanh, tiết kiệm bưu điện, chi trả lương hưu và BHXH, thu BHXH tự nguyện, chuyển phát nhanh, phát hành báo,...

- 09/09 xã của huyện có dịch vụ viễn thông, internet đạt yêu cầu, mỗi xã có ít nhất 01 điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng (*Viettel, Mobifone, Vinaphone, ...*), có hạ tầng kỹ thuật viễn thông đạt tiêu chuẩn về chất lượng dịch vụ đáp ứng nhu cầu của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn.

- 09/09 xã có đài truyền thanh cấp xã; 100% số thôn xóm ở các xã có hệ thống loa, cụm loa truyền thanh ngoài trời và hoạt động thường xuyên.

- 09/09 xã trong huyện có ứng dụng thông tin trong quản lý điều hành và có trang thông tin điện tử; 100% cán bộ, công chức được cấp tài khoản và được đào tạo để sử dụng phần mềm điều hành tác nghiệp phục vụ nhiệm vụ chuyên môn. UBND xã sử dụng ít nhất ba phần mềm hỗ trợ hoạt động quản lý nghiệp vụ trong số các phần mềm nghiệp vụ thuộc các lĩnh vực: Tài chính; Tư pháp hộ tịch; Địa chính; Đối tượng chính sách-người có công; Bảo hiểm y tế-Bảo hiểm xã hội; Xây dựng; Thông tin - Truyền thông, Văn hóa. Tất cả các xã có trang thông tin điện tử đáp ứng các yêu cầu.

Đánh giá: Đến nay, 09/09 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 8 về Thông tin và Truyền thông.

2.9. Tiêu chí số 9 về Nhà ở dân cư

UBND huyện đã triển khai hỗ trợ người có công với cách mạng, hộ nghèo khó khăn về nhà ở, các chính sách phát triển nhà ở; kết quả đã hỗ trợ 2.254 hộ người có công xây mới, sửa chữa nhà bằng nguồn ngân sách Trung ương, ngân

sách tỉnh và ngân sách huyện. Đồng thời vận động nhân dân xây dựng mới, nâng cấp, sửa chữa, chỉnh trang 2.107 nhà, chỉnh trang, xây mới, cải tạo, nâng cấp nhà ở, công trình chuồng trại chăn nuôi, vườn hộ theo tiêu chí “3 sạch”.

Đến nay trên địa bàn 09 xã có 6.868/7.378 hộ có nhà ở đạt chuẩn của Bộ Xây dựng, đạt 93,1%, không còn nhà tạm, nhà dột nát.

Đánh giá: Đến nay, 09/09 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 9 về Nhà ở dân cư.

2.10. Tiêu chí số 10 về Thu nhập

Huyện ủy, UBND huyện sớm xác định được tiềm năng, thế mạnh của Vũ Quang về phát triển kinh tế vườn đồi, vườn rừng, nên từ năm 2011 đến nay, đã tập trung chỉ đạo và triển khai thực hiện Đề án phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho cư dân nông thôn gắn với Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Trên cơ sở xác định 11 sản phẩm chủ lực (Cam, Lạc, Đậu xanh, Ngô, Bò, Gà, Lợn, Hươu, Ong lấy mật, Cây cao su, Gỗ nguyên liệu rừng trồng), huyện đã tập trung chỉ đạo ứng dụng khoa học kỹ thuật, giống mới; thành lập Tổ hợp tác, Hợp tác xã để tạo khối lượng hàng hóa lớn; từng bước liên kết sản xuất với doanh nghiệp; đồng thời, để phát triển các sản phẩm trên, ngoài hấp thu chính sách của tỉnh, huyện đã ban hành đồng bộ các cơ chế, trong đó ưu tiên hỗ trợ trồng CAQ, phát triển chăn nuôi lợn, bò, gà, hươu, nuôi ong lấy mật,...; tổ chức đào tạo nghề, tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn người dân thực hiện; tập trung đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật và cơ giới hoá nhằm nâng cao chất lượng và giá trị gia tăng của nông sản, đồng thời xây dựng và phát triển các mô hình sản xuất hàng hóa tập trung quy mô lớn, hình thành các vùng sản xuất tập trung liên kết với doanh nghiệp, góp phần đưa sản xuất nông nghiệp, thủy sản phát triển toàn diện; chú trọng phát triển các sản phẩm chủ lực hàng hóa theo vùng quy hoạch theo đề án phát triển sản xuất của huyện, xã, đảm bảo liên kết vùng, liên vùng gắn với việc triển khai hiệu quả Chương trình “*Mỗi xã phường một sản phẩm*”, phát triển sản xuất cây ăn quả có múi gắn với chăn nuôi tập trung.

*** Trồng trọt:**

- Cây lúa: diện tích trồng lúa 1.040 ha/năm 2010, năng suất 40 tạ/ha, chủ yếu sử dụng các giống lúa thuần, năng suất, chất lượng thấp, như: IR38, Khang dân 18, lúa bát, lúa ré. Đến nay, diện tích là 1.602 ha; đã quyết liệt trong việc thử nghiệm và nhân rộng đại trà đối với các giống lúa năng suất cao, như: Nhi ưu 838, BQ18..., năng suất bình quân đạt trên 60 tạ/ha, cao hơn trung bình chung toàn tỉnh, tăng 1,5 lần so với 2010.

- Cây ăn quả: là sản phẩm chủ lực, là lợi thế lớn nhất đối với nhân dân Vũ Quang. Xác định được tiềm năng lớn từ quỹ đất vườn đồi, phù hợp với trồng cam, chanh, bưởi các loại, huyện đã xây dựng Đề án phát triển xây ăn quả và ban hành các cơ chế, cũng như tập trung chỉ đạo, khuyến khích, hỗ trợ Nhân dân cải tạo vườn tạp, phát triển kinh tế vườn đồi, trồng cây ăn quả có múi các loại. Từ đó, tổng diện tích cây ăn quả tăng từ 550 ha năm 2010 (trong đó 273 ha cam) lên 3.700 ha năm 2020 (cam 2.490 ha, bưởi 170 ha, còn lại là chanh và một số

loại cây khác), cơ bản đã khép kín trên 85% diện tích đất có khả năng trồng CAQ có múi. Giá trị sản phẩm từ cây ăn quả trong những năm gần đây đạt 400-450 tỷ đồng/năm, tương đương 100 triệu đồng/ha; trên 1.400 mô hình trồng cam với quy mô trên 01ha (có những hộ 8-10ha, trở thành tỷ phú của huyện Vũ Quang từ cây ăn quả, như hộ Trần Thị Ân xã Đức Lĩnh, Nguyễn Văn Tuấn xã Đức Hương, Nguyễn Ngọc Lâm xã Đức Bồng, Đoàn Quốc Hoài xã Quang Thọ).

Để củng cố và nâng cao kiến thức, kỹ thuật về trồng và chăm sóc cây ăn quả, toàn huyện đã tổ chức trên 40 lớp đào tạo nghề trồng CAQ cho 1.650 lao động và trên 1.000 lớp tập huấn kỹ thuật, 15 chuyên thăm quan học tập kinh nghiệm trong và ngoài tỉnh; việc ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất đã được người dân quan tâm rất rõ; các mô hình sản xuất theo hướng VietGAP (trên 600ha), 02 mô hình sản xuất theo hướng hữu cơ, có 03 sản phẩm Cam đạt 3 sao OCOP và 05 sản phẩm đang xây dựng để đánh giá trong năm 2020. Chất lượng cây ăn quả nói chung và Cam Vũ Quang nói riêng đã được nâng lên rõ rệt; Cam Vũ Quang đã được Cục Sở hữu trí tuệ cấp Văn bằng bảo hộ thương hiệu dưới hình thức Nhãn hiệu tập thể; Cam ngày càng khẳng định chất lượng và có chỗ đứng trên thị trường, là hướng phát triển chủ lực của vùng. Sản xuất cây ăn quả không còn là tự phát, nhỏ lẻ, manh mún như ngày xưa, mà đã đi vào liên kết và có tổ chức sản xuất. Đến nay, 01 DN, 03 HTX và 87 THT sản xuất và kinh doanh cam, đã từng bước xúc tiến thương mại, tìm kiếm và kết nối với thị trường trong và ngoài tỉnh; Sản phẩm Cam nói riêng và cây ăn quả nói chung của huyện Vũ Quang đã được trưng bày, giới thiệu và bán tại các Lễ hội, Hội chợ, siêu thị cửa hàng tại một số tỉnh có tiềm năng, như: Nghệ An, Hà Nội, TP.HCM, Đà Nẵng, Khánh Hòa,...

** Về chăn nuôi:*

Shin hóa, Zêbu hóa đàn bò, nạc hóa đàn lợn, chăn nuôi gà ri lai đã góp phần rất lớn trong nâng cao năng suất, chất lượng trên lĩnh vực chăn nuôi. Bên cạnh đó, huyện đã chú trọng tổ chức lại sản xuất, chuyển từ chăn nuôi nhỏ lẻ quy mô nông hộ sang chăn nuôi theo phương châm doanh nghiệp hóa sản phẩm, liên kết hóa sản xuất, phát triển theo hướng chăn nuôi trang trại, gia trại tập trung, quy mô lớn; công tác phòng, chống dịch bệnh hàng năm được tập trung chỉ đạo kịp thời, đồng bộ các giải pháp; công tác tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm đạt khá, nên không xảy ra dịch bệnh nguy hiểm trên địa bàn.

- Chăn nuôi lợn: Thực hiện cơ cấu đàn lợn giống theo hướng tạo dòng sản phẩm đồng nhất, áp dụng công nghệ chăn nuôi tiên tiến, phát triển khá nhanh chăn nuôi công nghiệp, thu hút doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất liên doanh, liên kết với người dân từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm. Từ năm 2012, huyện bắt đầu phát triển mạnh các mô hình chăn nuôi lợn theo hướng liên kết, trên 250 mô hình có quy mô trên 20 đến dưới 4.000 con/lứa ra đời. Trên địa bàn có 16 trang trại chăn nuôi lợn, quy mô lớn từ 600-4.000con/lứa, 03 cơ sở sản xuất lợn giống nái ngoại, quy mô từ 300-650 con để chủ động con giống trên địa bàn. Tổng đàn lợn năm 2010 là 6.400 con, đến nay 30.000 con; sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng hàng năm tăng nhanh, năm 2020 đạt 4.950 tấn (tăng 3.849 tấn so với

năm 2010); có 15 HTX, 01 DN và 23 THT chăn nuôi lợn liên kết. Một số mô hình cho doanh thu hàng năm trên 30-78 tỷ đồng/năm, như: Doanh nghiệp Phú Sơn TC; HTX chăn nuôi và DVTH Phú Sơn; HTX chăn nuôi Hương Quang, HTX nông nghiệp Hương Danh; HTX Vũ Sơn Đức (78 tỷ đồng/năm). Vũ Quang là huyện đi đầu trong phát triển chăn nuôi lợn liên kết, chăn nuôi theo hướng trang trại, gia trại của tỉnh Hà Tĩnh.

- Chăn nuôi bò, gà: Bò lai Shin, lai Zêbu đã thay thế dần bò cỏ, gà ri lai đã thay thế gà cỏ là sự chuyển biến trong giai đoạn xây dựng NTM. Trước năm 2010, các hộ chăn nuôi gà hầu như để tự cung, tự cấp, số lượng hộ nuôi nhiều không quá 100 con/hộ, nhưng đến nay, nuôi gà đã trở thành hàng hóa và nguồn thu nhập chính của bà con Vũ Quang. Tổng đàn gà từ 153 ngàn con vào năm 2010 lên 250 ngàn con hiện nay. Đối với chăn nuôi bò, đã có trên 90% bò lai Shin, lai Zêbu chuyển từ chăn thả sang bán chăn thả và nuôi nhốt, từ đó sản lượng thịt hơi tăng rất lớn... Trong thời gian qua, đã tổ chức 25 lớp đào tạo nghề chăn nuôi gà cho gần 1.000 lao động, 11 lớp chăn nuôi trâu bò cho trên 300 học viên.

- Nuôi ong lấy mật: Những năm qua, nghề nuôi ong lấy mật ở huyện Vũ Quang từ phát triển nhỏ lẻ, đã nhanh chóng trở thành một nghề phù hợp với điều kiện tự nhiên, nguồn nhân lực và đã cho thu nhập khá, góp phần quan trọng trong chuyển đổi cơ cấu kinh tế, hình thành sản phẩm hàng hoá chủ lực của địa phương và nâng cao thu nhập cho người dân. Mật ong được xem là đặc sản của Hà Tĩnh nói chung và Vũ Quang nói riêng; bằng các cơ chế, chính sách và lồng ghép các chương trình, dự án để hỗ trợ người chăn nuôi (Dự án SRDP, Chương trình giảm nghèo bền vững,...), người sản xuất đã chuyển từ nuôi truyền thống sang hàng hóa, tổng đàn ong hiện nay có 8.500 đàn, cho sản lượng mật 40-45 ngàn tấn/năm và cho giá trị kinh tế gần 100 tỷ đồng/năm. Đến nay, mật ong đã xây dựng thương hiệu và được Cục sở hữu trí tuệ cấp nhãn hiệu tập thể “Mật ong Vũ Quang”; toàn huyện có 03 THT, 06 HTX và 01 Liên hiệp nuôi ong Vũ Quang; có 01 sản phẩm mật ong đạt 3 sao OCOP và 02 sản phẩm đang hoàn thiện để đánh giá năm 2020.

** Về phát triển thủy sản:*

Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản toàn huyện là 165 ha, chủ yếu là nuôi theo ao hồ trong dân và tận dụng diện tích mặt nước các hồ, đập thủy lợi theo hình thức quảng canh và bán thâm canh, do đó năng suất và hiệu quả kinh tế thấp.

Từ năm 2019 đến nay, đã triển khai một số chương trình nuôi cá lồng bè trên các hồ, đập thủy lợi, với tổng số 18 lồng bè (Đức Giang 10 lồng, Hương Minh 06 lồng và Đức Bông 02 lồng), tổng sản lượng thủy sản năm 2020 đạt 227 tấn. Với diện tích mặt nước Hồ thủy lợi Ngàn Trươi trên 4.000 ha, là lợi thế lớn cho phát triển nuôi trồng thủy sản của huyện về lâu dài. Hiện nay, đang thực hiện mô hình nuôi thí điểm cá lồng trong hồ Ngàn Trươi với diện tích 04 ha/14 lồng, đã tiến hành thả cá với khối lượng 2,6 tấn cá giống các loại (cá lăng, cá leo, cá trắm giò, cá chép giòn).

** Về Lâm nghiệp:*

Vũ Quang có tổng diện tích đất lâm nghiệp lớn, trong đó, đất rừng sản xuất được quy hoạch khoảng 5.500ha. Huyện đã xây dựng Đề án phát triển rừng sản xuất phục vụ chế biến lâm sản đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025. Ngoài diện tích được quy hoạch xây dựng trang trại, gia trại trồng cây ăn quả và chăn nuôi, huyện đã tập trung chỉ đạo phủ xanh đất trống, đồi núi trọc bằng các loại gỗ rừng trồng (chủ lực là cây keo); diện tích trồng rừng nguyên liệu tăng lên hàng năm, góp phần nâng độ che phủ rừng từ 68% năm 2010 lên 74% năm 2020 (toàn tỉnh là 53%); sản lượng gỗ đến năm 2020 ước đạt 48.855 m³ gỗ, tăng 2,45 lần so sản lượng khai thác năm 2010 (sản lượng khai thác 20.010 m³); giá trị thu được 48,855 tỷ đồng, tăng 4,2 lần so với năm 2010.

Về thị trường tiêu thụ: trước đây chủ yếu do thương lái thu mua tại chỗ và xuất bán đi các tỉnh, nên giá trị thấp, chỉ khoảng 20-30 triệu đồng/ha. Từ năm 2016, Nhà máy chế biến gỗ MDF-HDF đã được đầu tư xây dựng trên địa bàn huyện, từ đó, thị trường tiêu thụ gỗ nguyên liệu rừng trồng ổn định; sản lượng gỗ sản xuất ra chủ yếu được Nhà máy chế biến gỗ Thanh Thành Đạt tiêu thụ; do giảm được khâu trung gian, nên giá trị/ha tăng lên 40-50 triệu đồng.

** Về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp:*

Huyện đã quy hoạch và triển khai xây dựng cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tập trung tại xã Thọ Điền; một số ngành công nghiệp chế biến nông - lâm sản, khai thác khoáng sản, sản xuất, vật liệu xây dựng có bước phát triển. Hiện nay, đã thu hút được một số doanh nghiệp lớn đầu tư vào địa bàn, cụ thể: Nhà máy chế biến gỗ MDF - HDF của Công ty Thanh Thành Đạt với công suất 159.000 m³/năm và gỗ ván thanh công suất 2.400 m³/năm, phủ ván công suất 1.600.000 m²/năm, ván sàn công suất 360.000 m²/năm. Dự án góp phần tạo việc làm cho 250 lao động ở địa phương, vốn đầu tư hơn 1.811,500 tỷ đồng; Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Ngàn Trươi với công suất 19,8MW, diện tích 1,7ha, kinh phí đầu tư khoảng 340 tỷ đồng. Hiện tại, Công ty cổ phần Thủy điện Ngàn Trươi đã lập lại thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán trình Bộ, ngành và UBND tỉnh đề điều chỉnh nâng công suất nhà máy lên 25,5MW, dự kiến năm 2021 đưa vào hoạt động. Ngoài ra, đã thu hút đầu tư xây dựng mới 04 cửa hàng xăng dầu tại các xã Ân Phú, Quang Thọ, Thọ Điền, Đức Lĩnh và một số cơ sở sản xuất gạch không nung, nhiều cửa hàng thương mại tổng hợp tại các xã, thị trấn. Giá trị sản xuất ngành công nghiệp – xây dựng năm 2020 ước đạt 1.245 tỷ đồng (tăng gần 7,55 lần so với năm 2010).

** Về phát triển thương mại, dịch vụ:*

Huyện đã xây dựng và triển khai thực hiện Đề án phát triển thương mại - dịch vụ đến năm 2020. Thực hiện việc sắp xếp, chuyển đổi mô hình quản lý chợ trên địa bàn cho doanh nghiệp, hợp tác xã quản lý. Đến nay, toàn huyện có 1.187 hộ buôn bán, kinh doanh, giải quyết việc làm cho lao động địa phương, bên cạnh đó, giải quyết được nhu cầu bức thiết cho người dân. Giá trị sản xuất

ngành thương mại - dịch vụ năm 2020 ước đạt 657 tỷ đồng (tăng 2,87 lần so với năm 2010).

Thu nhập bình quân đầu người ở các xã trên địa bàn huyện năm 2020 là 38,54 triệu đồng, trong đó khu vực nông thôn là 42,75 triệu đồng/người/năm (tăng 4,7 lần so với năm 2010). Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đạt 38,81 triệu đồng/người/năm, 09/09 xã có thu nhập bình quân đầu người trên mức quy định 36 triệu đồng/người/năm.

Đánh giá: Đến nay, 09/09 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 10 về Thu nhập.

2.11. Tiêu chí số 11 về Hộ nghèo

Huyện Vũ Quang đã chỉ đạo, tổ chức thực hiện tốt chính sách giảm nghèo gắn với thực hiện Chương trình xây dựng NTM bằng nhiều hình thức, tỷ lệ hộ nghèo đều giảm qua các năm.

Đến cuối năm 2020 tổng số hộ nghèo 420 hộ/9.059 tổng số hộ toàn huyện, chiếm tỷ lệ 4,64% (giảm 41,21% so với năm 2010), trong đó số hộ nghèo bảo trợ xã hội 291 hộ, tỷ lệ hộ nghèo đa chiều sau khi đã trừ đối tượng bảo trợ xã hội là 1,47%.

Đánh giá: Đến nay, 09/09 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 11 về Hộ nghèo.

2.12. Tiêu chí số 12 về Lao động có việc làm

Công tác giải quyết việc làm được cấp ủy, chính quyền hết sức quan tâm, đẩy mạnh chuyển đổi mô hình sản xuất, đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn giải quyết việc làm sau đào tạo; trong 10 năm triển khai thực hiện đã tổ chức được 153 lớp dạy nghề cho hơn 4.800 lao động, gồm các nghề: may, hàn xì, sửa chữa máy nông nghiệp, chế biến món ăn, mây tre đan, trồng trọt, chăn nuôi, may mặc.... các lao động sau học nghề có việc làm ổn định, thường xuyên. Mỗi năm huyện có trên 2.000 lao động được tư vấn học nghề, việc làm, xuất khẩu lao động, trong đó có gần 1.000 lao động được tham gia các Chương trình xuất khẩu lao động. Đến nay, tỷ lệ lao động có việc làm trên địa bàn huyện là 16.452/16.452 lao động, đạt tỷ lệ 100 %.

Đánh giá: Đến nay, 09/09 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 12 về Lao động việc làm.

2.13. Tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất

Đến nay, toàn huyện có 53 Hợp tác xã hoạt động có hiệu quả và theo Luật HTX năm 2012, chủ yếu hoạt động trên lĩnh vực nông nghiệp (dịch vụ nông nghiệp, sản xuất và kinh doanh đối với cây ăn quả, trồng rau củ quả, môi trường, chợ,...). Tổng số cán bộ quản lý HTX là 212 người; về trình độ chuyên môn: đại học 12 người, chiếm 5,7%, cao đẳng 17 người, chiếm 8,1%, trung cấp 25 người, chiếm 11,8%, sơ cấp 21 người, chiếm 9,9%, số chưa qua đào tạo là 137 người, chiếm 64,5%. Độ tuổi trung bình của cán bộ HTX xấp xỉ 50 tuổi, có nhiều Giám

đốc HTX trên 50 tuổi. Như vậy, số lượng cán bộ quản lý có trình độ chuyên môn còn thấp, chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế tập thể hiện nay.

- Về quy mô hoạt động: số vốn điều lệ đăng ký là 6.875 triệu đồng (vốn điều lệ tối thiểu là 250 triệu đồng và tối đa là 3.500 triệu đồng, số vốn điều lệ bình quân là 955 triệu đồng), tổng số thành viên là 603 thành viên góp vốn.

- Về hiệu quả hoạt động, sản xuất, kinh doanh: năm 2020, doanh thu bình quân ước đạt 550 triệu đồng/HTX/năm, lãi bình quân 65 triệu đồng/HTX/năm, tăng gấp 3-4 lần so với trước năm 2011, tạo việc làm cho hàng trăm lao động địa phương với thu nhập bình quân từ 3 - 5 triệu đồng/người/tháng; một số HTX có doanh thu lớn trên hàng chục tỷ đồng/năm, như: HTX nông nghiệp, sinh thái và dịch vụ Vũ Sơn Đức (hơn 68 tỷ đồng/năm); HTX Chăn nuôi Phú Sơn, HTX chăn nuôi Quang Minh (trên 34 tỷ đồng/năm),... Bên cạnh thành lập mới, huyện cũng đã tổ chức chuyển đổi 36 HTX kiểu cũ sang HTX kiểu mới theo Luật HTX năm 2012. Sau khi các HTX chuyển đổi và thành lập mới được tổ chức và hoạt động theo đúng quy định của Luật HTX, tổ chức bộ máy gọn nhẹ, cơ sở vật chất, trình độ quản lý, phương thức và nội dung hoạt động của các HTX từng bước được củng cố, nhiều loại hình HTX được hình thành và phát triển. Đây là thời cơ và là điều kiện thuận lợi rất lớn để củng cố, đổi mới và phát triển HTX toàn huyện đi lên theo hướng đa dạng hoá các loại hình dịch vụ, chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu kinh tế theo hướng thị trường, hàng hoá lớn trong giai đoạn hiện nay. Các HTX được thành lập và đi vào hoạt động hiệu quả cho thấy nhu cầu sản xuất, kinh doanh của người dân ngày càng tăng lên. Mặt khác, góp phần quan trọng vào việc nâng cao hiệu quả kinh tế, giải quyết việc làm cho lao động địa phương và thực hiện có hiệu quả các chương trình phát triển KT-XH trên địa bàn, từng bước giảm tỷ lệ hộ nghèo và xây dựng NTM bền vững.

Về liên kết sản xuất đối với các sản phẩm chủ lực: trên cơ sở Đề án phát triển sản phẩm hàng hóa nông nghiệp chủ lực giai đoạn 2012-2015, định hướng đến năm 2020, Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp và các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất của tỉnh, huyện, trong 10 năm qua, huyện đã xác định và tập trung phát triển, mở rộng quy mô sản xuất và ứng dụng tiến bộ KHKT vào sản xuất đối với 11 sản phẩm chủ lực của địa phương; hỗ trợ xây dựng, quảng bá thương hiệu, xúc tiến đầu tư, kêu gọi doanh nghiệp liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm với nông dân; cùng với phát triển hợp tác xã, toàn huyện đã thành lập mới 155 tổ hợp tác để đại diện các hộ nông dân ký kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm với doanh nghiệp.

Đến nay, đã hình thành các chuỗi liên kết giữa nông dân với doanh nghiệp thông qua THT, HTX, DN vừa và nhỏ với tỷ lệ đạt từ 30-35% tổng sản lượng, tiêu biểu như: trong chăn nuôi lợn (có 16 trang trại chăn nuôi lợn quy mô từ 600-2.400 con thương phẩm và 38 THT chăn nuôi lợn thương phẩm quy mô từ 20-50 con/hộ/lứa, tổng quy mô 18.720 con - 30.000 con, tương đương 3.700 - 5.000 tấn thịt hơi xuất chuồng, chiếm 74% tổng sản lượng thịt lợn hơi toàn huyện và chiếm 59% tổng sản lượng thịt hơi đối với sản phẩm chủ lực của huyện); trong trồng cây ăn quả, có 20 THT, 02 HTX và 01 DN đã ký kết hợp

đồng tiêu thụ sản phẩm với doanh nghiệp (Tân Thanh Phong và Công ty Cam Phủ Quý), với tổng diện tích hơn 200ha/1.650ha cam cho sản phẩm. Ngoài ra, hiện nay, cơ bản các THT, HTX trồng cam đạt tiêu chuẩn Vietgap và Ocop đã trực tiếp liên hệ và ký hợp đồng nguyên tắc tiêu thụ sản phẩm tại các chuỗi cửa hàng, siêu thị, đại lý trong và ngoài tỉnh, sản lượng ước đạt khoảng 20-22% so với tổng sản lượng cam toàn huyện; đã phát triển cơ sở chế biến dầu lạc gắn với xây dựng sản phẩm OCOP và Cửa hàng kinh doanh sản phẩm OCOP tại huyện, sản lượng lạc được ký kết tiêu thụ hàng năm đạt khoảng 30-35% tổng sản lượng lạc toàn huyện; trong trồng rừng nguyên liệu, đã tổ chức sản xuất và tiêu thụ sản phẩm thông qua Doanh nghiệp Thanh Thành Đạt (đạt gần 100% tổng sản lượng hàng năm của toàn huyện) ..., từ đó góp phần quan trọng giúp Nhân dân ổn định đầu ra sản phẩm, từng bước mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao thu nhập và phát triển bền vững.

Đánh giá: Đến nay, 09/09 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất.

2.14. Tiêu chí số 14 về Giáo dục và đào tạo

Vũ Quang là địa phương rất quan tâm đến công tác phổ cập giáo dục và xóa mù chữ. Các địa phương và trường học đã tập trung thực hiện tốt công tác Phổ cập giáo dục-xóa mù chữ; có nhiều giải pháp tích cực để duy trì tỷ lệ huy động, nâng cao chất lượng giáo dục, tăng cường cơ sở vật chất, do đó kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ đạt được vững chắc; năm 2013 huyện đạt phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; năm 2015 huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi mức độ 3; năm 2002 đạt chuẩn phổ cập THCS năm 2020 huyện đạt phổ cập giáo dục THCS mức độ 3; năm 2015 huyện đạt xóa mù chữ mức độ 2. Đến nay, duy trì bền vững phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi mức độ 3, phổ cập giáo dục THCS mức độ 3; xóa mù chữ mức độ 2.

Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS hàng năm tiếp tục học lên THPT, bỏ túc THPT, trung cấp nghề..., hàng năm đạt trên 93%.

Đánh giá: Đến nay, 09/09 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 14 về Giáo dục và Đào tạo.

2.15. Tiêu chí số 15 về Y tế

- Huyện đã xây dựng và tổ chức thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân, chỉ đạo các xã tập trung thực hiện tốt công tác tuyên truyền vận động người dân tham gia bảo hiểm y tế. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đến nay đạt 92%, tăng 28% so với năm 2010; 09/09 xã đều có tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt trên mức quy định (90%); tỷ lệ người dân được lập hồ sơ sức khỏe điện tử đạt 98%.

- Huyện đã chỉ đạo các xã thực hiện tốt Bộ tiêu chí Quốc gia về Y tế xã giai đoạn đến năm 2020. 09/9 trạm y tế được sửa chữa, nâng cấp và xây mới, trong đó có 06/9 xã xây dựng trạm y tế mới cao tầng kiên cố (Ấn Phú, Đức Giang, Đức Liên, Đức Bông, Hương Minh, Quang Thọ), nâng cấp 03 trạm y tế (Đức

Lĩnh, Đức Hương và Sơn Thọ). Các trạm y tế có đầy đủ các phòng chức năng chuyên môn, giường, bàn ghế đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh cho Nhân dân trên địa bàn. Về trang thiết bị y tế: đến năm 2014, 100% trạm y tế cơ bản có đầy đủ các trang thiết bị y tế theo quy định của Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã, với khoảng 120 danh mục, trong đó 08 trạm y tế có máy siêu âm, 01 trạm có máy siêu âm màu 4D; 09/9 trạm y tế có máy đo đường huyết, điện tim, máy châm cứu, giường Inox và các dụng cụ khác. 100% trạm y tế xã được sắp xếp đủ nhân lực với cơ cấu theo quy định tính trên tỷ lệ dân số và theo phân vùng. Từ năm 2011 đến nay, có 09 y sỹ được cử đi đào tạo bác sỹ đa khoa và trở lại phục vụ tại địa phương, 100 % cán bộ điều dưỡng trình độ trung cấp được cử đi học cao đẳng điều dưỡng, 10 Nữ hộ sinh trung cấp được cử đi học cao đẳng hộ sinh. Đội ngũ cán bộ, viên chức y tế tại các trạm y tế xã, thị trấn đáp ứng được công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân, luôn hoàn thành tốt chỉ tiêu kế hoạch hàng năm, Chương trình y tế - dân số được triển khai có hiệu quả. Đến nay, 09/9 trạm y tế xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi đến nay đạt 14,6%, không có xã nào có tỷ lệ cao hơn so với quy định.

Đánh giá: Đến nay, 09/09 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 15 về Y tế.

2.16. Tiêu chí số 16 về Văn hoá

Cuối năm 2010, toàn huyện có 43/95 thôn, xóm được công nhận thôn, xóm văn hóa, đạt tỷ lệ 45,26%.

Trong 10 năm qua, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với phong trào xây dựng nông thôn mới, xây dựng làng văn hóa, gia đình văn hóa luôn được cấp ủy, chính quyền các cấp quan tâm chỉ đạo, ban hành nhiều văn bản hướng dẫn thực hiện. Huyện đã tăng cường công tác phối hợp, phân công nhiệm vụ, phân công phụ trách địa bàn cụ thể cho mỗi thành viên Ban Chỉ đạo, đưa trở thành một nội dung thi đua trọng tâm, thu hút sự tham gia của các cấp, các ngành, cộng đồng dân cư và đông đảo người dân trên địa bàn, góp phần tích cực trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM. Đến nay, toàn huyện có 72/73 thôn, xóm được công nhận thôn, xóm văn hóa đạt tỷ lệ 98,63% (tăng 53% so với cuối năm 2010); chất lượng gia đình văn hóa, làng văn hóa được nâng lên; 7.300/7.811 hộ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa, đạt tỷ lệ 93,46% (tăng 48,2% so năm 2010); các giá trị văn hóa, lễ hội truyền thống được quan tâm, bảo tồn và phát huy; các địa phương đã phê duyệt sửa đổi, bổ sung hương ước cho 73/73 thôn.

Hoạt động văn hóa, thông tin tuyên truyền trên địa bàn huyện có nhiều đổi mới, đa dạng về hình thức; tuyên truyền trực quan có chuyển biến mạnh mẽ từ huyện đến cơ sở, phục vụ có hiệu quả nhiệm vụ chính trị của địa phương. Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá gắn với xây dựng nông thôn mới được đẩy mạnh, có hiệu quả thiết thực.

Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao được diễn ra sôi nổi từ huyện đến xã, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn, nhất là gắn với chào mừng các sự kiện trọng đại của quê hương, đất nước, các ngày lễ kỷ niệm, nhiệm vụ chính trị và các hoạt động giao lưu khác,... Hiện nay, trên địa bàn huyện đã xây dựng được 126 câu lạc bộ văn nghệ, thể thao, trong đó có 07 CLB Dân ca Ví dặm. Hàng năm, từ huyện đến cơ sở đều tổ chức các hội thi, hội diễn văn nghệ quần chúng, các hội thi sân khấu hóa; tham gia đầy đủ các hội thi, hội diễn do tỉnh tổ chức.

Tổ chức các giải thi đấu, giao lưu thể dục thể thao được quần chúng Nhân dân hưởng ứng tích cực. Phong trào thể dục thể thao rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại thu hút đông đảo cán bộ, đảng viên và quần chúng Nhân dân tham gia. Đến nay, các thôn, các cơ quan, đơn vị đều có các đội tuyển thi đấu. Hàng năm, các xã tổ chức được 5-6 giải, huyện 6 - 8 giải, đặc biệt từ năm 2018, huyện đã đưa giải đua thuyền truyền thống vào tổ chức hằng năm.

Công tác tôn tạo Di tích đã được sự quan tâm của các cấp, các ngành; các giá trị văn hóa truyền thống được gìn giữ, phát huy phù hợp thuần phong mỹ tục, tập quán của địa phương; đã chỉ đạo, hướng dẫn cơ sở làm tốt công tác bảo tồn, trùng tu, tôn tạo, tránh để các Di tích lịch sử - văn hóa bị hư hỏng, xuống cấp. Đến nay, đã có 15 di tích được công nhận và được trùng tu, tôn tạo, trong đó có 01 di tích cấp quốc gia, 14 di tích cấp tỉnh.

Đánh giá: Đến nay, 09/09 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 16 về Văn hóa.

2.17. Tiêu chí 17 về Môi trường và An toàn thực phẩm

- Về chỉ tiêu tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định: Trên địa bàn huyện có 03 nhà máy xử lý nước (gồm 01 nhà máy tại Thị trấn Vũ Quang và 02 nhà máy tại các xã Thọ Điền và Quang Thọ). Tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh toàn huyện là 8.962/9.153 hộ, đạt 98%, trong đó, 5.949/9.153 hộ sử dụng nước sạch hệ thống đạt chuẩn Quốc gia (QCVN02:2009/BYT), đạt 65% (năm 2010, mới có 11,9% số hộ được sử dụng nước sạch). Định kỳ, Trung tâm nước sạch và VSMT – Sở NN&PTNT tỉnh lấy mẫu, kiểm định chất lượng mẫu nước; sau các đợt kiểm tra định kỳ, khẳng định nguồn nước Nhân dân sử dụng đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định. Ngoài ra, tại các xã, đã có hơn 52% số hộ sử dụng bình lọc nước phục vụ nhu cầu sinh hoạt và ăn uống của gia đình.

- Về chỉ tiêu tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường: Trên địa bàn huyện hiện có 1.508/1.508 cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản (gồm, 1.353 cơ sở sản xuất kinh doanh, 155 cơ sở nuôi trồng thủy sản). Trong đó, có 11 cơ sở sản xuất kinh doanh lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường do UBND tỉnh phê duyệt, Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận; 97 cơ sở có Bản cam kết bảo vệ môi trường, Đề án bảo vệ môi trường, Kế hoạch bảo vệ môi trường do UBND huyện xác nhận, còn lại 1.400 cơ sở nhỏ lẻ thuộc đối tượng không phải lập

kế hoạch bảo vệ môi trường theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ; các cơ sở này đã ký cam kết bảo vệ môi trường với UBND các xã, thị trấn và được các địa phương quản lý, kiểm tra, giám sát theo thẩm quyền. Các cơ sở sản xuất kinh doanh đã thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường được phê duyệt, xác nhận và quản lý, xử lý chất thải và các nghĩa vụ khác về bảo vệ môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Về chỉ tiêu xây dựng cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn: Cảnh quan môi trường, nhất là khu dân cư được chỉnh trang đảm bảo sạch, đẹp, với trên 235km hàng rào được trồng cây xanh và phủ bằng cây xanh; Toàn huyện có 307 tuyến đường xanh, sạch, đẹp, trong đó có 152 tuyến đường được trồng hoa/hàng rào xanh hai bên đường với chiều dài hơn 63km. Đường trục xã, liên xã đã thực hiện trồng trên 3.000 cây bóng mát (đối với những đoạn có thể trồng được) tại 88,8km, khoảng cách các cây đảm bảo khả năng giao tán sau khi trưởng thành (đạt 100% theo kế hoạch).

- Về chỉ tiêu mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch: Trên địa bàn toàn huyện có 84 nghĩa trang quy hoạch và thực hiện theo quy hoạch, 50 nghĩa trang đóng cửa (các nghĩa trang tự phát nằm gần hoặc trong khu vực dân cư). Các nghĩa trang đã quy hoạch chi tiết và thực hiện xây dựng hàng rào, cổng ra vào, trồng cây xanh theo quy hoạch; UBND các xã đã ban hành quy chế, hướng ước quản lý nghĩa trang và thực hiện hung, cát táng theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Về chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định:

+ *Phương án thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn*: Toàn huyện có 12 Hợp tác xã (HTX) Môi trường hoạt động thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt tại 09/09 xã với 92 lao động, 10 xe tải các loại, 75 xe đẩy tay, 124 thùng đựng rác bằng nhựa để phục vụ cho việc thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải. Toàn huyện, có 79/79 thôn và tổ dân phố đã được tập huấn hướng dẫn phân loại rác thải sinh hoạt tại hộ gia đình, có 89,41% số hộ trên địa bàn huyện có giỏ phân loại rác và đã thực hiện phân loại rác tại nguồn. Rác thải sinh hoạt sau khi được phân loại, một phần rác thải hữu cơ được xử lý tại hộ (các hộ có hố xử lý, ủ phân vi sinh), số còn lại được các HTX thu gom, tập kết tại các điểm trung chuyển của xã và vận chuyển đi xử lý tại bãi rác thị trấn Vũ Quang.

+ *Thu gom, xử lý nước thải khu dân cư*: Toàn huyện có tổng chiều dài các đoạn đường trục xã, liên xã, trục thôn, liên thôn qua khu dân cư cần làm rãnh thoát nước là 141,715km, đến nay đã thực hiện làm mương thoát nước 117,8km (chiếm tỷ lệ 83,12%); các đoạn rãnh thoát nước thường xuyên được nạo vét, khơi thông đảm bảo khả năng thoát nước. Tại các khu dân cư không có hiện tượng nước thải ứ đọng, ngập úng. Nước thải phát sinh tại các hộ gia đình hiện đang triển khai thực hiện xử lý sơ bộ bằng các bể thu gom, lắng lọc trước khi dẫn đầu nối với mương tiêu thoát nước khu dân cư. Đến nay đã có 3.250

hộ/7.378 hộ thực hiện xử lý nước thải sinh hoạt (51 hộ xây bằng nhựa composite, 3.199 hộ xây dựng bằng ống bê tông), đạt 44%; hiện tại các xã đang tiếp tục lồng ghép các chính sách để triển khai xây dựng 1.000 mô hình thu gom, sơ xử lý nước thải tại các hộ gia đình. Các xã vận động triển khai mô hình sơ xử lý nước thải sinh hoạt tốt như là xã Đức Lĩnh, Hương Minh, Đức Bông, Thọ Điền, Đức Giang, Ân Phú...

- Về chỉ tiêu Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch: Toàn huyện có 7.042/7.738 (đạt 95,44%) hộ gia đình có nhà tiêu, nhà tắm hợp vệ sinh; có 7.082/7.378 (đạt 95,98%) hộ gia đình có bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch.

- Về tỷ lệ hộ có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường: Toàn huyện có 16 cơ sở trang trại, gia trại thực hiện chăn nuôi gia súc gia cầm tập trung, trong đó quy mô chăn nuôi lợn >1.000 con/lứa có 11 cơ sở, các cơ sở còn lại có quy mô dưới 1.000 con/lứa; 16/16 cơ sở tùy theo quy mô chăn nuôi, diện tích chuồng nuôi đều lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, đăng ký xác nhận cam kết bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường đơn giản, kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định. Đối với chăn nuôi nông hộ toàn huyện có 5.794 hộ (trong đó có 724 hộ chăn nuôi lợn quy mô dưới 50 con/lứa; 15 hộ chăn nuôi lợn quy mô từ 50-150 con/lứa và 5.055 hộ chăn nuôi trâu bò quy mô dưới 30 con). Các hộ chăn nuôi trâu bò đều có hố ủ phân hoặc đệm lót sinh học, các hộ chăn nuôi lợn đều có bể biogas hoặc đệm lót sinh học (hiện có hơn 4.868 hộ áp dụng chế phẩm sinh học, hơn 575 hộ sử dụng bể biogas). Các hộ gia đình chăn nuôi trong khu dân cư thực hiện cam kết vệ sinh môi trường với khu dân cư, chính quyền địa phương; chuồng nuôi được bố trí nằm tách nhà ở, nguồn nước, đảm bảo phòng ngừa, ứng phó dịch bệnh, thực hiện thu gom, xử lý chất thải chăn nuôi và các điều kiện vệ sinh thú y trong chăn nuôi theo quy định tại Luật Thú y. Tỷ lệ hộ gia đình chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường 5.443/5.794 hộ đạt 94%.

- Về chỉ tiêu tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm: Toàn huyện có 281/281 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tại các xã đảm bảo tuân thủ các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm đạt 100%. Công tác kiểm tra, giám sát về ATTP được duy trì thường xuyên và được tổ chức thành các đợt cao điểm trong năm (tháng hành động và dịp lễ, tết). Tổ chức điều tra thống kê, phân loại và ký cam kết đảm bảo ATTP đối với các cơ sở thực phẩm trong toàn huyện.

Đánh giá: Đến nay, 09/09 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 17 về Môi trường và An toàn thực phẩm.

2.18. Tiêu chí 18 về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật

- Nhiệm vụ xây dựng, củng cố hệ thống chính trị vững mạnh từ huyện đến cơ sở được tăng cường. Công tác đào tạo đội ngũ cán bộ ở cơ sở đạt chuẩn theo quy định được quan tâm thường xuyên. Sự phối hợp giữa chính quyền và các đoàn thể chính trị - xã hội trong xây dựng NTM ngày càng thường xuyên, chặt

chẽ và hiệu quả. Đến nay, 100% số cán bộ, công chức xã của 09/09 xã trên địa bàn huyện đã đạt chuẩn theo quy định; 09/09 xã có đủ các tổ chức theo quy định, gồm: Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh. 09/09 Đảng bộ, chính quyền đạt tiêu chuẩn, xếp loại "*hoàn thành tốt nhiệm vụ*" trở lên; 09/09 xã có 100% số tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên.

- Về tiếp cận pháp luật: Tất cả văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND xã ban hành đều được thực hiện theo quy định; công tác phổ biến giáo dục pháp luật và trợ giúp pháp lý được thực hiện thường xuyên; quy chế dân chủ được thực hiện tốt, thiết chế tiếp cận pháp luật được tổ chức và hoạt động đầy đủ; các xã đều có cán bộ tư pháp, hộ tịch hộ khẩu, có địa điểm và cơ sở vật chất đảm bảo để hoàn thành tốt nhiệm vụ. Kết quả có 09/09 xã được công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định;

- Có 04/09 xã có nữ cán bộ chủ chốt, 05/09 xã có tỷ lệ nữ ủy viên cấp ủy đạt trên 15% và có quy hoạch nữ cán bộ chủ chốt; không phát hiện trường hợp nào tảo hôn, cưỡng ép kết hôn, bạo lực gia đình; việc thông tin, tuyên truyền về bình đẳng giới thực hiện có hiệu quả trên hệ thống Đài phát thanh nhất là hệ thống loa phát thanh cơ sở; một số xã đã thành lập mô hình địa chỉ tin cậy- nhà tạm lánh; các xã đều có cam kết nói không với bạo lực gia đình. Kết quả 09/09 xã đều đảm bảo công tác bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình.

Đánh giá: Đến nay, 09/09 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 18 về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật.

2.19. Tiêu chí 19 về Quốc phòng và An ninh

- Về quốc phòng: Huyện Vũ Quang và các xã đã thực hiện tốt công tác quốc phòng trong thời kỳ mới Lực lượng dân quân tự vệ ở 09/09 xã của huyện Vũ Quang được xây dựng, củng cố, tăng cường đủ số lượng, đảm bảo chất lượng. Công tác tuyển chọn thanh niên nhập ngũ được tiến hành chặt chẽ, nghiêm túc; hàng năm 09/09 xã đều hoàn thành 100% chỉ tiêu nghĩa vụ quân sự, đảm bảo chất lượng theo quy định. Các cuộc diễn tập phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, diễn tập khu vực phòng thủ cấp huyện, cấp xã được triển khai đạt mục đích, yêu cầu của Quân khu 4, UBND tỉnh và Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh.

- Về an ninh: Những năm qua, 09/09 xã của huyện Vũ Quang đều đã thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 14-10-2006 của Bộ Chính trị về đảm bảo an ninh Quốc gia trong tình hình mới. Hàng năm Đảng ủy các xã có Nghị quyết, UBND các xã có Kế hoạch về công tác đảm bảo an ninh trật tự. Đảng ủy, UBND các xã đều tập trung chỉ đạo giải quyết có hiệu quả những vấn đề nổi lên về an ninh trật tự; làm tốt công tác phòng ngừa xã hội, phát huy vai trò của các mô hình phong trào để giải quyết những phức tạp, mâu thuẫn nảy sinh ngay từ cơ sở thu hút đông đảo người dân tham gia. Công tác xây dựng thế trận an ninh nhân dân gắn với thế trận quốc phòng toàn dân và công tác quản lý nhà nước về an ninh trật tự được củng cố, tăng cường.

Kết quả: 09/09 xã của huyện Vũ Quang đều triển khai thực hiện nghiêm túc nội dung tiêu chí; an ninh trật tự ở 15/15 xã được đảm bảo, các tệ nạn xã hội giảm đáng kể, không có khiếu kiện đông người kéo dài, khiếu kiện vượt cấp trái pháp luật; 09/09 xã đã được UBND huyện công nhận đạt chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” theo Quy định của UBND tỉnh Hà Tĩnh về khu dân cư, xã, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” trên địa bàn tỉnh được ban hành tại Quyết định số 34/2014/QĐ-UBND.

Đánh giá: Đến nay, 09/09 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An ninh.

2.20. Tiêu chí 20 về Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu

Xác định Xây dựng Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, Vườn mẫu là bước đột phá, tạo điều kiện tối đa cho người dân phát huy vai trò chủ thể của mình, tạo động lực trực tiếp cho người dân và cộng đồng dân cư tham gia, bởi lợi ích thiết thực, thiết thân mang lại, kinh tế hộ gia đình phát triển, môi trường sống được cải thiện, tình làng, nghĩa xóm gắn kết keo sơn hơn, tạo diện mạo mới cho khu vực nông thôn và cộng đồng dân cư, tạo ra xã đạt chuẩn NTM thuyết phục và bền vững hơn, do đó thời gian qua huyện Vũ Quang đã có sự tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện hiệu quả. Đồng thời UBND, BCĐ xây dựng NTM huyện ban hành riêng Bộ tiêu chí xây dựng Cụm dân dân cư “sáng-xanh-sạch-đẹp-an toàn- văn minh”, tuyến đường “sáng-xanh-sạch-đẹp; huyện đã ban hành chính sách cụ thể để khuyến khích, hỗ trợ nguồn lực cho các thôn, hộ gia đình tổ chức thực hiện.

- Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu: Đến nay, toàn huyện Vũ Quang có 73/73 thôn của 09/09 xã đã được phê duyệt phương án xây dựng Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, trong đó đã có 43/73 thôn đạt chuẩn.

- Vườn mẫu: Nhằm phát triển kinh tế vườn đòi góp phần nâng cao thu nhập cho cộng đồng dân cư, tạo cảnh quan môi trường, huyện đã ban hành Đề án phát triển kinh tế vườn đòi, cùng các cơ chế, chính sách hỗ trợ đi kèm, toàn huyện có 6.746/7.200 vườn được chỉnh trang, đạt 93,7%. Trong đó có 1.500 vườn hộ đã và đang xây dựng mô hình vườn mẫu, đã có 774 vườn được công nhận đạt chuẩn, các vườn mẫu đã trở thành điểm sáng trong việc phát triển kinh tế vườn đòi, tạo cảnh quan môi trường, là điển hình để học tập và nhân rộng, là hạt nhân trong việc thực hiện xây dựng nông thôn mới theo chiều sâu, bền vững.

Đánh giá: Đến nay, 09/09 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 20 về Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu.

3. Kết quả thực hiện các tiêu chí huyện NTM

3.1. Tiêu chí số 1 về Quy hoạch

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Có quy hoạch xây dựng vùng huyện được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật Xây dựng năm 2014;

- Được công bố công khai;

- Có quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch được phê duyệt;

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Quy hoạch xây dựng vùng huyện Vũ Quang đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 đã được lập, thẩm định, phê duyệt tại Quyết định số 4431/QĐ-UBND ngày 25/12/2020, đảm bảo các yêu cầu về nội dung nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng theo quy định tại: Điều 6, Điều 7, Điều 8 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng. Quy hoạch đảm bảo đáp ứng yêu cầu tái cơ cấu ngành nông nghiệp và yêu cầu xây dựng nông thôn mới huyện giai đoạn 2016-2020. Đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Vũ Quang đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 đã phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, hiện trạng kinh tế xã hội, hệ thống đô thị và điểm dân cư nông thôn, sử dụng đất đai, hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, môi trường và những yếu tố mang tính đặc thù của vùng; cụ thể hóa đồ án quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Hà Tĩnh, phát huy thế mạnh vị trí chiến lược của huyện với nội dung phát triển, tốc độ đô thị hóa, tính chất, tiềm năng và động lực phát triển vùng; dự báo phát triển kinh tế, dân số, lao động, nhu cầu về đất đai, tỷ lệ đô thị hóa theo các giai đoạn phát triển 10 năm, 20 năm; Xác định các chỉ tiêu kỹ thuật theo mục tiêu phát triển; định hướng phát triển không gian vùng; định hướng hệ thống hạ tầng kỹ thuật cấp vùng, xác định danh mục các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư về cơ sở hạ tầng kỹ thuật, đề xuất môi trường chiến lược và các giải pháp thực hiện quy hoạch sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt,...

c) Đánh giá Tiêu chí: Huyện Vũ Quang đạt chuẩn Tiêu chí huyện NTM số 1 về Quy hoạch.

3.2. Tiêu chí số 2 về Giao thông

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối tới các xã;
- Tỷ lệ km đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch đạt 100%:

+ Đường bộ:

Có 100% km đường huyện do huyện quản lý đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm và kết nối tới trung tâm hành chính các xã trên địa bàn; tỷ lệ mặt đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông xi măng hóa đạt 100%.

Cấp kỹ thuật đường huyện đạt tiêu chuẩn theo TCVN 4054:2005; cấp đường huyện phù hợp với quy hoạch được duyệt.

Hệ thống cầu, cống trên các tuyến đường huyện được xây dựng kiên cố, phù hợp với cấp đường quy hoạch.

Có 100% km đường huyện do huyện quản lý được bảo trì hàng năm.

+ Đường thủy: Đường thủy nội địa do địa phương quản lý được lắp đặt hệ thống báo hiệu đảm bảo an toàn, thuận tiện cho các phương tiện lưu thông. Các bến thủy nội địa phục vụ vận chuyển hành khách, hàng hoá phải đảm bảo các điều kiện về an toàn và được cấp phép hoạt động.

+ Vận tải: Bến xe khách tại trung tâm huyện tối thiểu đạt loại 4; bố trí điểm dừng, điểm đỗ tại trung tâm các xã dọc theo quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện có tuyến vận tải khách công cộng theo quy hoạch.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Hệ thống giao thông như đường giao thông nông thôn trên địa bàn huyện Vũ Quang đã được đầu tư nâng cấp kết nối với nhau và kết nối tới trung tâm hành chính huyện, tỉnh thông qua các Quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ và hệ thống đường trục xã; Các sông lớn đã được lắp đặt hệ thống phao tiêu báo hiệu đảm bảo an toàn, thuận tiện cho các phương tiện lưu thông.

- Đường bộ: Trên địa bàn huyện Vũ Quang hiện tại có 02 tuyến đường Quốc lộ đi qua gồm: đường Hồ Chí Minh (qua địa bàn huyện dài 20,2km, đạt cấp III miền núi), Quốc lộ 281 (qua huyện Vũ Quang có chiều dài 20,62km hiện nay được nâng cấp mở rộng); 01 tuyến đường tỉnh đi qua địa bàn: ĐT.552 (qua địa bàn huyện dài 7,3km, đạt quy mô cấp IV). Để kết nối với hệ thống đường Quốc lộ, Đường tỉnh trên địa bàn huyện Vũ Quang được quy hoạch; đến nay 50,23km/50,23km (100%) đường huyện được nhựa hóa, bê tông hóa, cơ bản đáp ứng cho giao thông đi lại, đạt quy mô tối thiểu cấp V trở lên.

- Đường thủy: Theo quy hoạch của UBND tỉnh, trên địa bàn huyện Vũ Quang hệ thống đường thủy nội địa trên địa bàn huyện gồm có 03 đoạn tuyến đường sông và các bến đò định hướng quy hoạch như sau:

+ Ân Phú - Đức Liên (sông Ngàn Sâu): có chiều dài 22,25 km, chiều rộng trung bình 40m, độ sâu trung bình 6m.

+ Hương Minh - Quang Thọ (sông Ngàn Trươi): có chiều dài 13,73 km, chiều rộng trung bình 75m, độ sâu trung bình 2,0m;

+ Thị trấn Vũ Quang – Đồn Biên phòng (Đập Dâng Ngàn Trươi – Hồ Ngàn Trươi): có chiều dài 30,85km;

Đối với các hồ đập phục vụ tưới tiêu sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện: UBND huyện đã chỉ đạo các phòng ngành phối hợp với các xã thường xuyên kiểm tra chất lượng các hồ đập đảm bảo an toàn tích nước phục vụ tưới tiêu sản xuất nông nghiệp cũng như đảm bảo an toàn không để xảy ra sự cố trong mùa mưa lũ.

- Vận tải: Theo Quy hoạch vùng huyện Vũ Quang đã được UBND tỉnh phê duyệt, huyện Vũ Quang quy hoạch bến xe 10.000m² nằm bên đường Hồ Chí Minh về phía Tây Bắc Thị trấn Vũ Quang (định hướng theo quy hoạch phân khu Thị trấn Vũ Quang). Phân kỳ đầu tư bến xe sau năm 2020.

Hiện nay có 3 tuyến vận tải hành khách công cộng theo quy hoạch đi qua địa bàn huyện (tuyến Hương Sơn - Hà Tĩnh; tuyến Hương Sơn - Vinh; tuyến Vũ Quang - Hà Tĩnh; tuyến Vũ Quang - Vinh). Trên các tuyến đường, nhất là tại các trung tâm xã nơi tuyến vận tải hành khách công cộng này đi qua đã được bố trí các điểm dừng, đỗ theo quy định, tạo thuận lợi cho hành khách tham gia giao thông công cộng.

c) *Đánh giá Tiêu chí:* Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện Vũ Quang đã được đầu tư xây dựng đồng bộ theo chuẩn NTM và đảm bảo tính kết nối giữa quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ và đường trục xã. Huyện Vũ Quang đạt chuẩn Tiêu chí huyện NTM số 2 về Giao thông.

3.3. Tiêu chí số 3 về Thủy lợi

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Hệ thống thủy lợi liên xã (Bao gồm các công trình thủy lợi có liên quan trực tiếp với nhau về khai thác và bảo vệ từ 02 xã trở lên) thuộc Công ty TNHH một thành viên thủy lợi Bắc Hà Tĩnh quản lý, khai thác được xây dựng phù hợp với quy hoạch thủy lợi của tỉnh Hà Tĩnh đã được phê duyệt.

- Có tổ chức quản lý khai thác hệ thống thủy lợi liên xã hoạt động hiệu quả bền vững.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Về hệ thống tưới, tiêu:

+ Hồ đập: Hệ thống công trình Thủy lợi liên huyện Ngàn Trươi – Cẩm Trang, bao gồm Hồ Ngàn Trươi với dung tích 775 triệu m³, đập dâng Vũ Quang và hệ thống kênh, mương với chiều dài 16,71km đầu nối từ đập dâng Vũ Quang đến kênh Linh Cẩm phục vụ tưới, tiêu cho 9.500ha lúa, 1.700ha mạ màu, 425ha thủy sản của 04 huyện Đức Thọ, TX Hồng Lĩnh, Can Lộc, Thạch Hà (tưới tạo nguồn); hệ thống kênh đầu nối từ Tuy nèn số 2 (TN2) đi Hương Sơn và hệ thống kênh, mương từ cụm điều tiết Cầu Động (xã Đức Bồng) phục vụ tưới, tiêu cho huyện Hương Sơn và các xã vùng hạ huyện Vũ Quang đã được tỉnh quy hoạch, có các điểm kết nối; hệ thống 60 hồ đập vừa và nhỏ trên địa bàn đảm bảo phục vụ tưới hiệu quả cho 1.651,1ha đất sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản.

+ Các hệ thống thủy lợi tưới, tiêu liên huyện và nội xã phù hợp với quy hoạch Thủy lợi của tỉnh đã được phê duyệt.

- Về mô hình quản lý, khai thác:

+ Tổ chức quản lý, khai thác hệ thống thủy lợi liên huyện, nội xã được thành lập theo quy định hiện hành:

- Hệ thống đập dâng và kênh chính Ngàn Trươi đang được giao cho Công ty TNHH MTV Thủy lợi Bắc Hà Tĩnh quản lý, khai thác.

- Hệ thống thủy lợi vừa và nhỏ được phân cấp cho Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn (trực tiếp là các Hợp tác xã, Tổ hợp tác dùng nước) quản lý, khai thác và bảo vệ đúng quy định; hằng năm, được duy tu, bảo dưỡng đảm bảo an toàn, hiệu quả.

c) *Đánh giá Tiêu chí:* Hệ thống thủy lợi của huyện Vũ Quang đã được đầu tư xây dựng phù hợp với Quy hoạch thủy lợi tỉnh Hà Tĩnh; đáp ứng yêu cầu sản xuất, dân sinh và phòng chống thiên tai. Huyện Vũ Quang đạt chuẩn Tiêu chí huyện NTM số 3 về Thủy lợi.

3.4. Tiêu chí số 4 về Điện

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Huyện đạt chuẩn NTM về điện, phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Các công trình điện trung áp, hạ áp và trạm biến áp (*hệ thống điện*) đầu tư liên xã đạt các điều kiện như sau:

+ Đảm bảo “đạt” thông số kỹ thuật, an toàn điện theo Tiêu chí 4.1 tại Quyết định số 4293/QĐ-BCT ngày 28/10/2016 về Phương pháp đánh giá thực hiện Tiêu chí số 4 về điện nông thôn trong Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng NTM giai đoạn 2016 - 2020;

+ Đồng bộ và đạt yêu cầu kỹ thuật trong vận hành với hệ thống điện phân phối (*về tần số, điện áp, cân bằng pha, sóng hài điện áp, nhấp nháy điện áp, công suất, truyền tải, hệ thống bảo vệ*) liên xã theo các thông số quy định tại Thông tư số 39/2015/TT-BCT của Bộ Công thương.

- Hệ thống điện đầu tư giai đoạn 2016 - 2020 phù hợp với quy hoạch phát triển điện lực tỉnh sau năm 2016, đảm bảo nguồn cung cấp điện đáp ứng nhu cầu sử dụng điện trong sinh hoạt, sản xuất của nhân dân và phát triển kinh tế xã hội của huyện giai đoạn 2016 - 2020.

- 100% số xã trong huyện đạt Tiêu chí số 4 về điện theo Hướng dẫn của Bộ Công thương tại Quyết định số 4293/QĐ-BCT ngày 28/10/2016.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Toàn huyện có 108 trạm biến áp phân phối, với tổng công suất 27.108 kVA; 187 km đường dây trung áp; 335 km đường dây hạ áp; trên 10.811 khách hàng sử dụng điện (9.513 khách hàng sử dụng điện sinh hoạt, 1.298 khách hàng ngoài mục đích sử dụng điện sinh hoạt). Trạm biến áp phân phối chủ yếu sử dụng trạm treo, các trạm biến áp đảm bảo về tiêu chuẩn kỹ thuật và an toàn điện theo quy định.

Đường dây trung áp cấp điện áp 35kV, 22kV chủ yếu sử dụng dây nhôm lõi thép AC tiết diện dây dẫn 50mm², 70 mm² đối với nhánh rẽ; tiết diện dây dẫn 150mm², 95mm² đối với trục chính; cột sử dụng cột bê tông ly tâm chiều cao 12m, 14m, 16m; đường dây hạ áp cấp điện áp 0,4kV và 0,2kV; dây dẫn chủ yếu sử dụng cáp vặn xoắn, cáp bọc và một phần nhỏ dây nhôm AV tiết diện dây dẫn 70mm², 95mm² (đường trục 0,4kV); 35mm², 50mm² (nhánh rẽ 0,2kV); bán kính cấp điện xa nhất khoảng 1,5km (điện áp đảm bảo +5% theo quy định); tần số đảm bảo (50±0,2)Hz. Đường dây trung, hạ áp đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định.

An toàn lưới điện trung áp đảm bảo theo các quy định tại Nghị định 14/2014/NĐ-CP của Chính phủ về an toàn điện, lưới điện hạ áp đảm bảo an toàn điện theo quy chuẩn kỹ thuật điện (*hệ thống cáp viễn thông, dây điện hạ áp được bó gọn, hành lang hạ áp cơ bản được tổ chức phát quang định kỳ*).

Hệ thống đường dây sau công tơ cơ bản đảm bảo các quy định, tiết diện dây dẫn từ 2,5mm² trở lên, đa số cột đỡ sau công tơ cao 4m trở lên, bán kính đường trục từ 80mm trở lên.

Công tơ điện được kiểm định định kỳ, còn nguyên kẹp chì; đơn vị quản lý

vận hành các thiết bị đo đếm điện năng, đóng cắt,... theo quy định. Các hộ dây được ký hợp đồng đầy đủ. Bảng điện, dây điện trong các hộ gia đình đảm bảo tiêu chuẩn về an toàn điện.

Tỷ lệ hộ sử dụng điện an toàn, thường xuyên từ lưới điện quốc gia: 100% (10.811/10.811 khách hàng).

Các thành phần, nội dung đánh giá khác cơ bản đảm bảo theo Quyết định số 4293/QĐ-BCT của Bộ Công Thương.

- Đồng bộ theo yêu cầu kỹ thuật trong vận hành với hệ thống điện phân phối theo quy định tại Thông tư số 39/TT-BCT ngày 18/11/2015 của Bộ Công Thương:

Tần số hệ thống điện nằm trong giới hạn $(50 \pm 0,2)$ Hz với điều kiện bình thường, $(50 \pm 0,5)$ Hz với điều kiện chưa ổn định. Điện áp tại điểm đầu nối với khách hàng sử dụng điện (cấp điện áp 35kV, 22kV, 0,4kV) đảm bảo sai lệch $\pm 5\%$ với điều kiện bình thường, trong khoảng $+5\%$ và -10% trong trường hợp có sự cố, trong khoảng $\pm 10\%$ trong trường hợp sự cố nghiêm trọng. Cân bằng pha đảm bảo 5% điện áp định danh với cấp điện áp trung và hạ áp. Sóng hài, nhấp nháy điện áp nằm trong giới hạn quy định. hệ số công suất, truyền tải, hệ thống bảo vệ đảm bảo các quy định.

Giai đoạn 2016-2020, hệ thống điện trên địa bàn huyện Vũ Quang được đầu tư từ các nguồn, dự án của Công ty Điện lực Hà Tĩnh, dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia và các dự án khác; trong đó ngành điện chịu trách nhiệm chính đầu tư lưới điện phân phối và công tơ đến chân hàng rào các dự án và hộ dân; chủ đầu tư, hộ dân đầu tư phần sau hàng rào dự án và nhà dân theo quy định.

Hệ thống điện được đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp trên cơ sở mục tiêu đảm bảo cung cấp điện liên tục, ổn định và an toàn, đáp ứng nhu cầu của người dân và phát triển kinh tế - xã hội của huyện, giảm bán kính cấp điện và tổn thất điện năng, nâng cao chất lượng điện áp, tập trung cải tạo lưới điện 10kV thành 22kV hoặc 35kV. Khối lượng hệ thống điện được đầu tư theo định hướng phát triển và tiêu chuẩn thiết kế lưới điện được định hướng theo quy hoạch.

Hệ thống điện được đầu tư phù hợp với Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2016-2025, có xét đến năm 2035 (Hợp phần 2 - Quy hoạch chi tiết lưới điện trung và hạ áp sau các trạm biến áp 110kV đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2134/QĐ-UBND ngày 31/7/2017).

c) Đánh giá Tiêu chí: Hệ thống điện huyện Vũ Quang phù hợp với quy hoạch phát triển điện lực Hà Tĩnh giai đoạn 2016 - 2025 có xét đến năm 2035 đã được phê duyệt; đáp ứng nhu cầu sản xuất, sinh hoạt của nhân dân và phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Huyện Vũ Quang đạt chuẩn Tiêu chí huyện NTM số 4 về Điện.

3.5. Tiêu chí số 5 về Y tế - Văn hoá - Giáo dục

a) *Yêu cầu của tiêu chí:*

- Về Y tế: Bệnh viện huyện đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng III, Trung tâm Y tế huyện đạt chuẩn Quốc gia.

- Về Văn hoá: Huyện có Trung tâm văn hóa - thể thao đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hoá - Thể thao & Du lịch và có nhiều hoạt động văn hóa thể thao kết nối với các xã có hiệu quả.

- Về Giáo dục: Có từ 60% trở lên số trường Trung học phổ thông trên địa bàn huyện đạt chuẩn quốc gia theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) *Kết quả thực hiện tiêu chí:*

* *Về Y tế:*

Trung tâm Y tế huyện Vũ Quang được thành lập theo Quyết định 1464/QĐ-UBND ngày 11/5/2020 của UBND tỉnh Hà Tĩnh và được xếp hạng III trên cơ sở sáp nhập Trung tâm Y tế dự phòng, Bệnh viện đa khoa, Trung tâm Dân số-KHHGD (*thời điểm trước khi sáp nhập BVĐK huyện Vũ Quang đạt hạng III, Trung tâm Y tế dự phòng huyện Vũ Quang đạt hạng III*). Trung tâm Y tế huyện thực hiện chức năng nhiệm vụ trên các lĩnh vực: phòng, chống dịch; khám chữa bệnh và công tác dân số.

Trung tâm Y tế huyện cơ bản đáp ứng được các yêu cầu về triển khai các hoạt động chuyên môn theo đúng chức năng nhiệm vụ được giao, hằng năm được bố trí nguồn kinh phí để cải tạo nâng cấp thường xuyên. Nhiều trang thiết bị hiện đại được đầu tư: Máy siêu âm màu, hệ thống XQ-Kỹ thuật số, Hệ thống phẫu thuật nội soi.... Đội ngũ cán bộ y tế không ngừng được nâng lên về số lượng và chất lượng, hiện tại trung tâm có 38 Bác sĩ (trong đó có 13 bác sĩ trình độ sau đại học). Nhiều dịch vụ kỹ thuật vượt tuyến được triển khai tại Trung tâm như: Phẫu thuật nội soi ổ bụng; Phẫu thuật xử lý vết thương da đầu phức tạp; Điều trị bằng laser công suất thấp; Điều trị bằng sóng xung kích; Điều trị bằng từ trường... Các chỉ tiêu thuộc chương trình mục tiêu y tế dân số đạt và vượt kế hoạch đề ra: Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ hằng năm đạt >95%; Tỷ suất tử vong trẻ dưới 1 tuổi năm 2020 đạt 2‰, Tỷ suất tử vong trẻ dưới 5 tuổi duy trì dưới 3‰. Hằng năm tổ chức các chiến dịch cân đo trẻ, cho trẻ uống vitamin A; tỷ lệ trẻ em <5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi đạt 14,5% năm 2020; trên 95% trẻ em trong độ tuổi được uống vitamin A...

Công tác khám và chữa bệnh cho Nhân dân có nhiều chuyển biến tích cực, tinh thần thái độ phục vụ cũng như chất lượng chuyên môn của đội ngũ y, bác sỹ được nâng lên, cơ bản đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho nhân dân; số lượng bệnh nhân đến khám và điều trị tại bệnh viện: Năm 2020 tổng số khám ngoại trú là: 32.339 lượt, tổng số điều trị nội trú là 3.650 lượt. Công suất sử dụng giường bệnh đạt 98,5%.

- Đánh giá: Huyện Vũ Quang đạt chuẩn nội dung 5.1 về Y tế trong Bộ tiêu chí huyện NTM.

* *Về Văn hoá:*

Trung tâm Văn hóa - Truyền thông huyện được thành lập theo Quyết định

số 2832/QĐ-UBND, ngày 27/11/2018 của UBND huyện Vũ Quang, trên cơ sở sáp nhập Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể dục Thể thao với Đài Truyền thanh - Truyền hình huyện, có tổng diện tích quy hoạch là 13.156 m², cơ sở vật chất bao gồm: Trung tâm hành chính, truyền thông có diện tích 2.054 m², với nhà làm việc 2 tầng cấp 3, đầy đủ các phòng nghiệp vụ truyền thông, hành chính, hội trường,...; Trung tâm nghiệp vụ chuyên môn Văn hoá, Thể thao, Thư viện có tổng diện tích là 11.101.8 m², bao gồm: Nhà văn hóa huyện với 400 chỗ ngồi, được trang bị hệ thống cách âm, âm thanh, ánh sáng đáp ứng tốt yêu cầu tập luyện, biểu diễn và các hoạt động văn hóa, hội họp; có đầy đủ các phòng chức năng, phòng nghiệp vụ, thư viện, hành chính, 01 sân tennis và 02 sân tập các môn thể thao đơn giản khác; có sân vận động với tổng diện tích 24.247.9 m² phục vụ sinh hoạt cộng đồng. Hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, thông tin truyền thông tại Trung tâm Văn hóa - Truyền thông huyện diễn ra phong phú, đa dạng.

Thực hiện Đề án 06/ĐA- UBND ngày 19/7/2017 của UBND huyện về “Xây dựng và phát triển văn hoá huyện Vũ Quang giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2025” và Chương trình phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của huyện, Trung tâm đã xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương; tổ chức các cuộc hội thi, hội diễn, các giải thi đấu thể dục, thể thao của huyện và hướng dẫn hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao cho cơ sở; tập huấn chuyên môn nghiệp vụ 06 cuộc/năm. Hàng năm, phối hợp tổ chức 8 -15 giải thể thao; các chương trình hoạt động bảo tồn Dân ca, Ví, Giặm; hoạt động tuyên truyền lưu động, hoạt động truyền thanh, phóng sự truyền hình; hoạt động liên hoan biểu diễn, tập huấn, giao lưu thi đấu thể thao; các chương trình văn nghệ phục vụ hoạt động chính trị; phối hợp với các ngành, đoàn thể liên quan tổ chức các hội thi có lồng ghép nội dung NTM,... được kết nối xuống các xã, thị trấn. Ngoài ra, việc hướng dẫn hoạt động chuyên môn cho 220 câu lạc bộ văn hóa, thể thao cơ sở được duy trì và phát huy hiệu quả.

Năm 2018 - 2019, huyện Vũ Quang nâng cấp Nhà văn hóa đa năng huyện với quy mô 400 chỗ ngồi, có đầy đủ trang thiết bị âm thanh, ánh sáng,...; nâng cấp tổng thể Khu liên hợp thể thao huyện, bao gồm: sân tennis, sân cỏ nhân tạo, sân bóng chuyên, sân vận động huyện; chỉnh trang, nâng cấp khuôn viên nhà làm việc 2 tầng đảm bảo tiêu chí theo quy định.

Năm 2020, huyện đang triển khai xây dựng nhà thi đấu thể thao đa năng, chỉnh trang trụ sở hành chính của Trung tâm Văn hóa - Truyền thông (tại Đài truyền thanh - truyền hình huyện cũ).

- Đánh giá: Huyện Vũ Quang đạt chuẩn nội dung 5.2 về Văn hoá trong Bộ tiêu chí huyện NTM.

** Về Giáo dục:*

Từ năm 2011 đến nay các trường THPT trên địa bàn huyện Vũ Quang đã quy hoạch, xây dựng mua sắm CSVC thiết bị đáp ứng yêu cầu nhằm nâng cao chất

lượng dạy học. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên các trường có trình độ trên chuẩn cao. Chất lượng dạy học có nhiều chuyển biến tốt. Từng bước hoàn thiện, duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí về trường đạt chuẩn quốc gia.

Trên địa bàn huyện Vũ Quang có 2 trường THPT, trong đó có 1/2 trường đạt chuẩn quốc gia (tỷ lệ 50%), cụ thể:

- Trường THPT Vũ Quang đã được công nhận đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2010-2015, theo Quyết định số 2494/QĐ-UBND ngày 25/8/2010 và đạt chuẩn giai đoạn 2015-2020 theo Quyết định số 3172/QĐ-UBND ngày 12/8/2015 của UBND tỉnh Hà Tĩnh.

- Trường THPT Cù Huy Cận hiện chưa đạt chuẩn Quốc gia, hiện đang thiếu một số hạng mục CSVC theo quy định của trường đạt chuẩn. Tuy nhiên, hiện nay trường đang nằm trong lộ trình sáp nhập với trường THPT Vũ Quang theo chủ trương của tỉnh.

c) *Đánh giá Tiêu chí:* Huyện Vũ Quang đạt chuẩn Tiêu chí huyện NTM số 5 về Y tế - Văn hoá - Giáo dục.

3.6. Tiêu chí số 6 về Sản xuất

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Huyện đạt chuẩn tiêu chí về sản xuất khi đáp ứng 1 trong 2 điều kiện sau:

(1) Hình thành vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của huyện, đảm bảo:

+ Có quy mô đất đai, mặt nước lớn, liên xã theo quy định của từng tỉnh phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương;

+ Áp dụng đồng bộ quy trình sản xuất đảm bảo an toàn thực phẩm và phát triển bền vững;

+ Các khâu sản xuất trồng trọt được cơ giới hóa đồng bộ; các khâu sản xuất chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản được cơ giới hóa theo quy định của từng tỉnh phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

(2) Có mô hình liên kết sản xuất gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và thực hiện tiêu thụ ít nhất 10% sản lượng đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của huyện theo quy hoạch. Mô hình liên kết thực hiện theo một trong hai hình thức sau:

+ Có hợp đồng thu mua sản phẩm trong sản xuất nông nghiệp được ký giữa nông dân, tổ chức đại diện của nông dân với doanh nghiệp, thời gian thực hiện hợp đồng ổn định từ 02 năm trở lên.

+ Có liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị trên cơ sở hợp đồng liên kết cung ứng vật tư và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp được ký giữa nông dân, tổ chức đại diện của nông dân và doanh nghiệp theo chuỗi giá trị từ khâu sản xuất đến thu mua, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Trong đó, doanh nghiệp hoặc tổ chức đại diện của nông dân kiểm tra, giám sát quá trình sản xuất của nông dân và cung ứng các yếu tố đầu vào, vốn, kỹ thuật để đạt được sản lượng, chất lượng nông sản theo yêu cầu của doanh nghiệp và tổ chức đại diện của nông dân, tiêu thụ sản phẩm

hàng hóa nông nghiệp cho nông dân.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Trên cơ sở tiềm năng, lợi thế về điều kiện tự nhiên, huyện xác định các mũi đột phá gắn với phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân, trong đó đi sâu vào khai thác tốt tiềm năng, lợi thế, tổ chức lại sản xuất, tạo ra chuỗi liên kết từ sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm; đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất nhằm tăng giá trị và sức cạnh tranh của các sản phẩm.

Huyện đã xác định danh mục 11 sản phẩm nông nghiệp hàng hóa chủ lực đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020 (theo Quyết định 1496/QĐ-UBND ngày 06/8/2012 của Ủy ban nhân dân huyện)¹. Trong những năm qua, đã tập trung chỉ đạo phát triển sản xuất theo hướng mở rộng quy mô, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, thành lập Tổ hợp tác, Hợp tác xã và đẩy mạnh liên kết sản xuất với doanh nghiệp; đồng thời, trên cơ sở các sản phẩm có lợi thế, đã xây dựng và phát triển thương hiệu một số sản phẩm Cam Vũ Quang, Mật ong Vũ Quang; xây dựng mô hình sản xuất cam đạt tiêu chuẩn Vietgap, thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm²,... nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và giá trị gia tăng.

Tập trung đẩy mạnh sản xuất, chuyển đổi diện tích đất lâm nghiệp sang trồng cây ăn quả, nâng tổng diện tích cây ăn quả trên toàn huyện lên 3.700 ha (*chiếm 20,9% tổng diện tích cây ăn quả toàn tỉnh*), tăng 1.370 ha so với năm 2015; giá trị sản xuất cây ăn quả đạt 415,214 tỷ đồng, chiếm 41,94% giá trị sản xuất nông nghiệp (giá trị sản phẩm cam chiếm 75% giá trị cây ăn quả).

* **Cây cam:** đến nay, diện tích cam đạt 2.530 ha (tăng 930 ha so với năm 2015), diện tích cam cho thu hoạch 1.650 ha, sản lượng cam đạt 16.500 tấn, giá trị sản phẩm cam đạt trên 300 triệu đồng/ha; đã có 06 cây cam chanh, 12 cây cam Bù trên địa bàn huyện được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp giấy chứng nhận và bảo tồn cây đầu dòng; 150 ha được áp dụng công nghệ tưới tự động tiết kiệm nước; 70% diện tích cam áp dụng kỹ thuật sản xuất phân hữu cơ sinh học để bón lót hàng năm; các biện pháp kỹ thuật mới mang tính hữu cơ, an toàn cho sản phẩm, như: bao quả, sử dụng thuốc sinh học, dầu khoáng, bẫy bả ngày càng được áp dụng nhiều; 194 ha cam được chứng nhận sản xuất đạt tiêu chuẩn VietGAP, 03 sản phẩm cam được công nhận là sản phẩm OCOP đạt tiêu chuẩn 3 sao (Đức Lĩnh 01 sản phẩm, Quang Thọ 02 sản phẩm),... Sản phẩm cam đã được Cục Sở Hữu trí tuệ Chứng nhận bảo hộ nhãn hiệu tập thể từ năm 2017. Với hướng đi đúng đắn, phù hợp với điều kiện tự nhiên, nên việc sản xuất

¹ 11 sản phẩm chủ lực, gồm: Cam, Lạc, Đậu xanh, bưởi Phúc Trạch, Lợn, Bò, Gà địa phương, Hươu, Ong, Cao su, Gỗ nguyên liệu rừng trồng.

² Cuối năm 2019, có 29 Tổ hợp tác Cam với diện tích 194ha đã đạt tiêu chuẩn Vietgap, có 5 sản phẩm đã đạt tiêu chuẩn Ocop 3 sao; Năm 2020, có 76 Tổ hợp tác/460ha cam đăng ký thực hiện theo tiêu chuẩn Vietgap năm 2020 và 12 sản phẩm đang chờ thẩm định đánh giá đạt tiêu chí Ocop. ...

cây ăn quả, điển hình là cam chất lượng cao (cam chanh Vũ Quang) đang làm thay đổi toàn diện đời sống của người dân Vũ Quang. Đến nay, đã thành lập được 01 Doanh nghiệp, 03 HTX, 125 THT trồng cam và cây ăn quả có múi.

Cây cam Chanh có truyền thống trồng từ lâu đời và được coi là cây đặc sản của vùng, chất lượng cao, quả ngọt, thơm ngon, phù hợp trên nhiều loại đất, mang lại hiệu quả kinh tế cao, nên được nhiều người dân tập trung đầu tư sản xuất. Đến nay, đã trồng được 1.850 ha, diện tích cho thu hoạch 1.200 ha, năng suất bình quân 10 tấn/ha, sản lượng 12.000 tấn.

Cây cam Bù là cây trồng bản địa, được xếp hạng là một trong những giống cam ngon nhất hiện có của Việt Nam, đã được người dân trồng từ hàng trăm năm nay. Trên địa bàn huyện, chủ yếu được trồng tại xã Sơn Thọ (nay là xã Thọ Điền) và xã Đức Lĩnh, sau đó được phát triển ra một số địa phương khác. Đến nay, trồng được 650 ha, diện tích cho thu hoạch 420 ha, năng suất 10 tấn/ha, sản lượng 4.200 tấn.

* **Cây bưởi:** tổng diện tích hiện có 170 ha (chủ yếu là bưởi Phúc Trạch và một số ít bưởi Diễn, bưởi Da xanh), diện tích cho thu hoạch 75 ha, năng suất đạt 9,13 tấn/ha, sản lượng 685 tấn, giá trị sản xuất đạt 13,5 tỷ đồng. Cây bưởi phù hợp với đất vườn, có độ dốc thấp (đất bằng), nên chủ yếu được trồng rải rác tại các vườn hộ của các địa phương, như: Hương Thọ (nay là xã Quang Thọ), Hương Minh, Đức Liên, Đức Hương.

* **Gỗ nguyên liệu rừng trồng:** diện tích gỗ nguyên liệu rừng trồng 5.500 ha, hàng năm đã cung cấp ra thị trường từ 25.000 - 30.000 tấn gỗ nguyên liệu để phục vụ chế biến lâm sản, góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người dân trên địa bàn. Từ năm 2019 đến nay, chủ yếu bán cho Nhà máy chế biến gỗ Thanh Thành Đạt, hoặc bán cho thương lái. Diện tích tập trung chủ yếu tại các đơn vị: Thị trấn Vũ Quang, Thọ Điền, Hương Minh, Đức Liên...

* **Đổi với Chăn nuôi lợn:** đẩy mạnh tổ chức lại sản xuất chăn nuôi theo phương thức doanh nghiệp hóa sản phẩm, liên kết hóa sản xuất. Tổng đàn lợn trên địa bàn hiện có 27.000 con, trong đó chăn nuôi trang trại 22.000 con, chiếm 85% tổng đàn (chăn nuôi liên kết với các doanh nghiệp 17.000 con, chiếm 63% tổng đàn). Cụ thể, có 16 cơ sở chăn nuôi lợn chăn nuôi tập trung, trong đó có 15 cơ sở liên kết với các doanh nghiệp³ (có 04 cơ sở chăn nuôi lợn nái, quy mô 300-650 nái; 11 cơ sở chăn nuôi lợn thương phẩm, quy mô 600-2.400 con/lứa và 01 cơ sở tự chủ 100% về vốn đầu tư). Trên cơ sở các vùng quy hoạch sản xuất tập trung đã được phê duyệt, hiện nay, một số vùng đã đưa vào sản xuất; đã hình thành được các vùng sản xuất tập trung⁴.

³ Trong đó, 12 cơ sở liên kết với Công ty Cổ phần chăn nuôi C.P Thái Lan; 2 cơ sở liên kết với Công ty quốc tế Việt Đức; 1 cơ sở liên kết với Công ty Golden Star

⁴ Vùng sản xuất tập trung tại thôn Hương Giang- xã Đức Hương, Tùng Quang- Quang Thọ, Khe Cù đến khe Cây Sòng- thôn Hợp Lý- xã Hương Minh, ...

* **Đối với chăn nuôi bò:** tổng đàn bò trên địa bàn toàn huyện là 9.450 con, chủ yếu nuôi quy mô 3-5 con/hộ theo hình thức kiêm dụng (sinh sản, cày kéo, lấy thịt), kết hợp tận dụng phân chuồng để bón cho cây ăn quả, chưa có các mô hình nuôi bò thịt, bò sinh sản thâm canh hay liên kết với các doanh nghiệp. Một số xã có tổng đàn bò lớn: Đức Lĩnh, Đức Giang, Thọ Điền... Áp dụng chương trình Zê bu hóa đàn bò (lai Sind và lai chất lượng cao), hàng năm thực hiện dẫn tinh nhân tạo đạt 2.500-3.000 con bê lai sinh ra, tỷ lệ bò lai trên địa bàn huyện đạt 75% tổng đàn; các đơn vị có đàn bò lai tỷ lệ máu ngoại cao, gồm: Đức Giang, Thọ Điền...

* **Đối với nuôi ong:** tổng đàn ong toàn huyện hiện có 8.457 đàn, sản lượng mật ong đạt khoảng 60 tấn, một số đơn vị có tổng đàn lớn (Thọ Điền, Quang Thọ, Đức Lĩnh, TT Vũ Quang, Ân Phú), chủ yếu nuôi quy mô 5-10 tổ/hộ, điển hình có những hộ nuôi 30-40 tổ. Mật ong đã được Cục Sở Hữu trí tuệ Chứng nhận bảo hộ nhãn hiệu tập thể từ năm 2013. Hàng năm, thương hiệu mật ong đã được tham gia triển lãm giới thiệu tại các hội chợ do tỉnh tổ chức và được đưa đi giới thiệu tại các hội chợ triển lãm ngoài tỉnh; có 01 sản phẩm mật ong được công nhận là sản phẩm OCOP đạt tiêu chuẩn 3 sao (Mật ong Ân Phú).

* **Cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp:** việc đẩy mạnh cơ giới hóa được thực hiện nhanh, hiệu quả: năm 2011, tỷ lệ cơ giới hóa tại các địa phương trên toàn huyện đạt thấp. Tuy nhiên, với chủ trương cơ giới hóa đúng đắn và chính sách mạnh mẽ của tỉnh, huyện, đến nay, toàn huyện có 02 máy gặt đập liên hợp (Ân Phú, Đức Bông), 25 máy làm đất 4 bánh (máy trên 23 mã lực), trên 500 máy làm đất 3 bánh (máy dưới 23 mã lực), trên 3.000 máy gặt cầm tay; khâu làm đất và thu hoạch lúa bằng cơ giới hoá đáp ứng 85%; trên 100 máy xới, làm đất mini để thực hiện công tác làm cỏ cho cây ăn quả; gần 1.000 hệ thống tưới phun sương; 2.000 máy băm, thái thức ăn gia súc,...

c) **Đánh giá Tiêu chí:** Huyện Vũ Quang đạt chuẩn Tiêu chí huyện NTM số 6 về Sản xuất.

3.7. Tiêu chí số 7 về Môi trường

3.7.1. Yêu cầu của tiêu chí:

- Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đạt tiêu chuẩn.
- Cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ (*công nghiệp, làng nghề, chăn nuôi, chế biến lương thực - thực phẩm*) thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường.

3.7.2. Kết quả thực hiện tiêu chí:

a) Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện:

HĐND huyện Vũ Quang ban hành Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 21/12/2017; UBND huyện ban hành Quyết định số 228/QĐ-UBND ngày 17/01/2018 và Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 04/4/2018 về thực hiện Đề án thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải trên địa bàn huyện Vũ Quang giai đoạn 2018-2020 và những năm tiếp theo. Đồng thời UBND huyện ban hành Quyết

định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 15/12/2017 quy định về mức giá cụ thể đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện Vũ Quang.

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Toàn huyện có 12 HTX môi trường thu gom, vận chuyển rác thải ở 9 xã và 01 thị trấn với tần suất thu gom, xử lý rác thải trung bình 02 lần/tuần. Hiện tại tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trung bình trên địa bàn toàn huyện khoảng 11,8 tấn/ngày, trong đó đã thu gom, phân loại và thực hiện xử lý tại nguồn bằng hố ủ rác hữu cơ khoảng 5,31 tấn/ngày đạt 45%, còn hơn 55% (khoảng 6,49 tấn/ngày) được các HTX môi trường thu gom, vận chuyển, tập kết tại điểm trung chuyển và sau đó vận chuyển về xử lý tại bãi rác thị trấn Vũ Quang.

+ Công tác phân loại và xử lý rác hữu cơ (rác dễ phân hủy): Toàn huyện có hơn 16.246 hộ có giỏ phân loại rác tại hộ gia đình và triển khai phân loại rác tại nguồn (đạt 89,41%), 500 hộ xây dựng hố phân loại rác hữu cơ 2 ngăn để phân loại xử lý rác, hiện nay tại các xã đang tiếp tục nhân rộng các mô hình phân loại, xử lý rác tại hộ gia đình để giảm khối lượng rác thải cần vận chuyển xử lý.

+ Cơ sở xử lý rác thải sinh hoạt: Trên địa bàn huyện Vũ Quang có bãi chôn lấp rác thải tại thị trấn Vũ Quang, được đầu tư xây dựng từ tháng 11/2016 (khi triển khai dự án Ngàn Trươi - Cẩm Trang); Về quy hoạch, bãi chôn lấp này đã được UBND tỉnh Hà Tĩnh cho phép bổ sung vào quy hoạch quản lý chất thải tại Văn bản số 4435/UBND-NL ngày 22/11/2013. Tổng diện tích đất của bãi rác là 5.290m² (gồm 01 ô chôn lấp, lót đáy bằng HDPE để chống thấm, công suất 1,5-2 tấn/ngày). Sức chứa của bãi chôn lấp theo thiết kế khoảng 17.500m³ tương đương khối lượng rác khoảng 7.350 tấn. Theo thiết kế, bãi rác thị trấn Vũ Quang còn có khả năng xử lý đến năm 2028. Hiện tiếp nhận xử lý rác sinh hoạt cho thị trấn Vũ Quang và các xã trên địa bàn huyện với khối lượng rác khoảng 6,49 tấn/ngày, theo tính toán đến hết năm 2021 là bãi rác này hết khả năng chứa. Vì vậy, UBND tỉnh đã đồng ý chủ trương cho huyện Vũ Quang đầu tư dự án xây dựng lò đốt tại xã Đức Hương (công suất 700 kg/giờ, tương đương khoảng 13 tấn/ngày) với thời hạn đến năm 2030 (theo Văn bản số 3822/UBND-XD₁ ngày 16/6/2020). Dự án này đã được UBND tỉnh Hà Tĩnh phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 3373/QĐ-UBND ngày 06/10/2020, phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật tại Quyết định số 3780/QĐ-UBND ngày 09/11/2020 và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu xây dựng tại Quyết định số 3982/QĐ-UBND ngày 24/11/2020; huyện đang triển khai các bước tiếp theo để tiến hành xây dựng, theo lộ trình đến quý IV/2021 hoàn thành lắp đặt, vận hành đưa vào sử dụng, xử lý rác cho toàn huyện (10/10 xã, thị trấn) với số lượng khoảng 10,4 tấn/ngày (không kể lượng rác đã phân loại và tự xử lý tại hộ). Khi lò đốt hết tuổi thọ (khoảng đến năm 2030) toàn bộ rác của huyện sẽ chuyển về Nhà máy xử lý tập trung của tỉnh theo Đề án thu gom vận chuyển, xử lý rác sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đã được Thường trực Tỉnh ủy họp thông qua tại Văn bản số 1268-TB/TU ngày 21/5/2020.

- *Chất thải rắn công nghiệp*: Phát sinh từ các cơ sở sản xuất công nghiệp

trên địa bàn được các chủ cơ sở chịu trách nhiệm thu gom, phân loại, lưu giữ và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để xử lý theo quy định.

- *Chất thải rắn y tế*: Huyện Vũ Quang hiện có 01 Bệnh viện đa khoa huyện, 10 trạm y tế xã, thị trấn và 1 phòng khám đa khoa. Rác thải y tế được các cơ sở y tế thực hiện công tác thu gom, phân loại, lưu giữ và xử lý chất thải rắn y tế theo quy định tại Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31/12/2015, theo tính toán tổng lượng rác thải y tế phát sinh trên địa bàn huyện khoảng 20,6 tấn/năm; trong đó: rác thải y tế của Bệnh viện đa khoa huyện khoảng 15 tấn/năm, xử lý bằng lò đốt công nghệ Chuwastar Nhật Bản⁵ tại Bệnh viện; rác thải y tế nguy hại của trạm y tế xã, thị trấn với khối lượng khoảng 5 tấn/năm và của Phòng khám khoảng 0,06 tấn/năm, xử lý tại lò đốt của Bệnh viện huyện.

- *Chất thải nông nghiệp*: Phụ phẩm phát sinh trong nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng chủ yếu trong sản xuất, chăn nuôi.

- *Bao bì thuốc bảo vệ thực vật đã qua sử dụng*: Tại các xã, thị trấn đã ban hành quy chế quản lý thu gom, xử lý vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật, UBND huyện xây dựng Kế hoạch tổ chức thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc BVTV sau sử dụng trên địa bàn huyện⁶; Toàn huyện đã lắp đặt, xây dựng 320 mô hình (bể) thu gom vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật tại các khu vực sản xuất nông nghiệp (bình quân 35 bể chứa/xã). Hiện nay, huyện đang chỉ đạo các xã tiếp tục khảo sát để lắp đặt thêm các bể chứa vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật tại các khu vực sản xuất nông nghiệp. Theo thống kê, khối lượng bao bì thuốc BVTV phát sinh khoảng 4 tấn/năm, định kỳ được thu gom, xử lý 2 lần/năm (sau đợt vụ hè thu và đông xuân). Ủy ban nhân dân huyện sẽ đứng ra liên hệ, ký hợp đồng với Công ty TNHH MTV Chế biến chất thải công nghiệp Hà Tĩnh để vận chuyển, xử lý theo quy định.

b) 100% số cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường.

- Làng nghề, cụm công nghiệp: trên địa bàn huyện không có làng nghề; chỉ có 01 Cụm công nghiệp tại Thôn 1 - xã Thọ Điền đã được UBND tỉnh phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) tại Quyết định số 2021/QĐ-UBND ngày 27/5/2015; đến nay tại cụm có 1 cơ sở đã đi vào hoạt động là nhà máy sản xuất gỗ MDF của Công ty cổ phần gỗ MDF Thanh Thành Đạt đã được UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch chi tiết tại Quyết định 3180/QĐ-UBND ngày 11/11/2016; Được chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quyết định số 3178/QĐ-UBND ngày 11/11/2016, phê duyệt báo cáo ĐTM tại Quyết định số 1020/QĐ-UBND ngày 17/4/2017. Công ty đã xây dựng kế hoạch và thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường. Lượng chất thải rắn sinh hoạt doanh nghiệp hợp đồng với HTX Môi trường Thọ Điền thu gom, vận chuyển xử lý cùng rác thải sinh hoạt chung toàn huyện. Lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường của Nhà máy được xử lý bằng công nghệ đốt để lấy hơi phục vụ

⁵ Bệnh viện đa khoa huyện Vũ Quang đã được Sở Tài nguyên và Môi trường ký Quyết định Phê duyệt Đề án BVMT số 97/QĐ-TNMT ngày 14/8/2009; Quyết định số 94/QĐ-TNMT ngày 31/3/2015 về xác nhận hoàn thành việc thực hiện Đề án BVMT, với công suất 15-20 kg/h.

⁶ Kế hoạch số 68/KH-UBND ngày 15/6/2020 của UBND huyện Vũ Quang

hoạt động của Nhà máy; còn chất thải nguy hại (gồm dầu, mỡ, khăn lau, bóng đèn hỏng, ...) được Nhà máy lưu vào thùng chứa, có nắp đậy theo quy định và hợp đồng với Công ty TNHH Một thành viên chế biến công nghiệp Hà Tĩnh thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Trên địa bàn huyện hiện có 1.353/1.353 cơ sở sản xuất công nghiệp, kinh doanh, dịch vụ. Về thủ tục môi trường: có 11 cơ sở sản xuất kinh doanh (Loại hình như bệnh viện, cải tạo vườn đồi, xây dựng nghĩa trang, nhà máy gỗ MDF,...) có Báo cáo đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường do UBND tỉnh phê duyệt, Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận; 97 cơ sở có Bản cam kết bảo vệ môi trường, Đề án bảo vệ môi trường, Kế hoạch bảo vệ môi trường do UBND huyện xác nhận (những loại hình: xây dựng, khoáng sản, kinh doanh thương mại dịch vụ, kinh doanh vật tư nông nghiệp, xăng dầu,...), còn lại 1.245 cơ sở nhỏ lẻ (hàng tạp hóa, sửa chữa xe máy, kinh doanh khác, nuôi trồng thủy sản,...) thuộc đối tượng không phải lập kế hoạch bảo vệ môi trường theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ nhưng các cơ sở này đã ký cam kết bảo vệ môi trường với UBND các xã, thị trấn và được các địa phương quản lý, kiểm tra, giám sát theo thẩm quyền.

- Diện tích nuôi trồng thủy sản toàn huyện là 165,5ha, chủ yếu ao hồ tự nhiên. Riêng khu vực lòng hồ Ngàn Trươi vừa triển khai mô hình nuôi thí điểm cá lồng bè với diện tích 4ha với 14 lồng. Toàn huyện có 155 cơ sở nuôi trồng thủy sản không thuộc đối tượng lập Cam kết bảo vệ môi trường/Kế hoạch bảo vệ môi trường. Các cơ sở này được địa phương quản lý, kiểm tra và giám sát.

- Có 16 cơ sở chăn nuôi tập trung. Các cơ sở này đều nằm trong quy hoạch được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1281/QĐ-UBND ngày 14/4/2015 về điều chỉnh Quy hoạch phát triển trang trại, vùng trang trại chăn nuôi lợn tập trung công nghiệp tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020 đảm bảo khoảng cách, có công trình biện pháp bảo vệ môi trường theo hồ sơ phê duyệt và các điều kiện vệ sinh thú y trong chăn nuôi theo quy định. Có 5.794 hộ (trong đó, có 724 hộ chăn nuôi lợn quy mô dưới 50 con/lứa; 15 hộ chăn nuôi lợn quy mô từ 50-150 con/lứa và 5.055 hộ chăn nuôi trâu bò quy mô dưới 30 con).

Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản đảm bảo vệ sinh môi trường đạt 100%, cụ thể:

- Có đầy đủ hồ sơ, thủ tục về môi trường, bao gồm:

+ Báo cáo đánh giá tác động môi trường, hoặc đề án bảo vệ môi trường chi tiết, hoặc đề án bảo vệ môi trường đơn giản, hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường, hoặc hồ sơ tương đương theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

+ Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại, Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường, Giấy phép khai thác, xả nước thải vào nguồn nước theo quy định.

- Có công trình, biện pháp, hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường để thu gom, phân loại, lưu giữ, tái chế, thu hồi hoặc xử lý chất thải (nước thải, khí thải, chất thải rắn); thực hiện các nội dung về bảo vệ môi trường đã cam kết trong các hồ sơ nêu trên.

c) *Đánh giá Tiêu chí:* Huyện Vũ Quang đạt chuẩn Tiêu chí huyện NTM số 7 về Môi trường.

3.8. Tiêu chí số 8 về Đảm bảo an toàn an ninh, trật tự xã hội

a) *Yêu cầu của tiêu chí:* Hàng năm Huyện ủy có Nghị quyết, UBND huyện có kế hoạch về công tác an ninh, trật tự; không để xảy ra tình trạng khiếu kiện đông người kéo dài, khiếu kiện vượt cấp trái pháp luật; không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội; các loại tội phạm, tệ nạn xã hội và vi phạm pháp luật khác được kiểm chế, giảm so với năm trước.

b) *Kết quả thực hiện tiêu chí:*

Hàng năm, Huyện ủy đều có nghị quyết, UBND huyện có kế hoạch về công tác an ninh, trật tự.

Công an huyện: Biên chế đảm bảo đúng theo quy định của Bộ Công an. Trong những năm qua và năm 2020, tập thể cán bộ, chiến sỹ Công an huyện luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, không để xảy ra tình huống đột xuất, bất ngờ; đảm bảo giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện. Năm 2019 - 2020 bố trí, luân chuyển 50 chiến sỹ công an được đào tạo chính quy về làm việc trực tiếp tại các xã, thị trấn, đến nay 10/10 xã, thị trấn có công an chính quy làm trưởng, phó công an xã, công an viên. Trên địa bàn không xảy ra khiếu kiện đông người kéo dài; trọng án không xảy ra; tội phạm và tệ nạn xã hội được kiềm chế và làm giảm, cụ thể:

Đến nay, trên địa bàn không có tụ điểm, không có địa bàn trọng điểm phức tạp về an ninh, trật tự xã hội, không để xảy ra việc khiếu kiện đông người kéo dài, khiếu kiện vượt cấp trái pháp luật.

- Kết quả thực hiện phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc: Thường xuyên chỉ đạo, duy trì và nhân rộng các mô hình phong trào đang phát huy hiệu quả như mô hình “Tổ tự quản về ANTT”, “Tổ liên gia an toàn”, “Tổ hòa giải”,

+ Lực lượng Công an xã luôn được quan tâm, củng cố và tập huấn pháp luật, nghiệp vụ đảm bảo đúng quy định của Pháp lệnh Công an xã.

+ Ban Chỉ huy Quân sự huyện hàng năm thực hiện đạt và vượt kế hoạch chỉ tiêu tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ.

c) *Đánh giá Tiêu chí:* Huyện Vũ Quang đạt chuẩn Tiêu chí huyện NTM số 8 về Đảm bảo an toàn an ninh, trật tự xã hội.

3.9. Tiêu chí số 9 về Chỉ đạo xây dựng NTM

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Ban chỉ đạo Chương trình MTQG xây dựng NTM huyện được kiện toàn tổ chức và hoạt động đúng quy định;

Văn phòng Điều phối Chương trình NTM huyện được tổ chức và hoạt động đúng quy định.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Ban chỉ đạo Chương trình MTQG xây dựng NTM được thành lập theo Quyết định số 1418/QĐ-UBND ngày 8/10/2010 của Ủy ban nhân dân huyện Vũ Quang và được kiện toàn theo Quyết định số 41-QĐ/HU ngày 9/9/2020 của Ban Thường vụ Huyện ủy huyện Vũ Quang, gồm 43 thành viên, do đồng chí Bí thư Huyện ủy làm Trưởng ban; các đồng chí PBT Huyện ủy là Phó trưởng ban; thành viên gồm các đồng chí Thường vụ Huyện ủy phụ trách các cụm và Trưởng các, phòng, đơn vị, đoàn thể có liên quan, Ban Chỉ đạo các Chương trình: Nông thôn mới, đô thị văn minh, giảm nghèo bền vững và Mỗi xã một sản phẩm huyện được kiện toàn thống nhất là một, đảm bảo sự thống nhất, phối, kết hợp tốt hơn giữa các Chương trình.

- Ban Chỉ đạo Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

huyện Vũ Quang thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, quản lý, điều hành, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện các nội dung của Chương trình xây dựng nông thôn mới, Chương trình Mỗi xã một sản phẩm trên địa bàn huyện đảm bảo kịp thời, hiệu quả, đúng quy định. Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của trung ương, tỉnh, hướng dẫn các xã thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ thúc đẩy xây dựng nông thôn mới, các sản phẩm OCOP; chỉ đạo duy trì, củng cố, nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới tại các xã; chỉ đạo thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới trên địa bàn phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn, không để xảy ra tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản; kiểm tra thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở trong việc huy động đóng góp tiền của, công sức của nhân dân tham gia xây dựng NTM, tránh tình trạng huy động quá sức dân.

** Văn phòng điều phối xây dựng NTM*

- Văn phòng Điều phối xây dựng NTM huyện Vũ Quang được thành lập tại Quyết định số 4659/QĐ-UBND ngày 11/8/2016 của UBND huyện Vũ Quang. Văn phòng điều phối nông thôn mới huyện do đồng chí Phó Chủ tịch UBND huyện làm Chánh văn phòng; 01 đồng chí Phó Chánh văn phòng; thành viên gồm 06 cán bộ chuyên trách và một số cán bộ bán chuyên trách thuộc các phòng ban, đơn vị cấp huyện

- Văn phòng điều phối đã thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

+ Tham mưu Ban Chỉ đạo huyện, UBND huyện ban hành Kế hoạch, tổ chức kiểm tra, giám sát đánh giá việc thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, Chương trình Mỗi xã một sản phẩm trên địa bàn huyện.

+ Phối hợp tốt với các phòng ban trong công tác rà soát, đánh giá thực trạng tại các xã, tổ chức hướng dẫn, tư vấn các xã trong quá trình tổ chức thực hiện; thực hiện tốt công tác theo dõi, tổng hợp báo cáo, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình trên địa bàn huyện, đánh giá kết quả thực hiện, xác định mức độ đạt chuẩn nông thôn mới; tham mưu Ban Chỉ đạo huyện, UBND huyện trình UBND tỉnh công nhận các danh hiệu về nông thôn mới.

+ Tham mưu Ban Chỉ đạo huyện, UBND huyện ban hành các cơ chế chính sách, sát đúng với điều kiện thực tế của huyện; thực hiện tốt chức năng điều phối các hoạt động thực hiện Chương trình đối với các phòng, ban, tổ chức đoàn thể cấp huyện và các xã.

+ Hàng năm đều thực hiện tốt công tác đào tạo tập huấn về Chương trình nông thôn mới, Chương trình Mỗi xã một sản phẩm; lập dự trù kinh phí phục vụ hoạt động hàng năm của Ban Chỉ đạo huyện và Văn phòng điều phối Chương trình, trình Ban Chỉ đạo phê duyệt và triển khai thực hiện theo quy định.

c) *Đánh giá Tiêu chí:* Huyện Vũ Quang đạt chuẩn Tiêu chí huyện NTM số 9 về Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới.

4. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng NTM

- Tổng số nợ đọng của toàn huyện là 0 đồng.

- Về cân đối nguồn lực: Để hoàn thành các tiêu chí, đảm bảo huyện đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định cần tổng nhu cầu kinh phí là 133,259 tỷ đồng; trong đó nguồn chưa xác định là 36,045 tỷ đồng.

+ Nguồn vốn đã được xác định là 97,214 tỷ đồng, gồm: nguồn vốn năm 2019 chuyển sang năm 2020 chưa giải ngân (8,151 tỷ đồng); nguồn lồng ghép các đề án, chính sách của tỉnh (3,464 tỷ đồng); nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ theo mục tiêu (73,630 tỷ đồng); nguồn ngân sách huyện, xã (số tiền 11,969 tỷ đồng).

+ Nguồn vốn chưa xác định là 36,045 tỷ đồng dự kiến sử dụng từ nguồn tiền thuê đất, sử dụng đất huyện, xã được hưởng, đóng góp của nhân dân bằng hiện vật (năm 2020 huyện Vũ Quang được giao thu tiền sử dụng đất là 110 tỷ đồng và huyện cam kết ưu tiên cho các dự án xây dựng nông thôn mới).

Như vậy, với nhu cầu kinh phí 133,259 tỷ đồng, huyện Vũ Quang đã đảm bảo cân đối được nguồn lực thanh toán khối lượng hoàn thành và thực hiện các nhiệm vụ khác để hoàn thành các tiêu chí trong xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới.

II. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ

Hồ sơ đề nghị xét, công nhận huyện đạt chuẩn NTM của huyện Vũ Quang đầy đủ theo quy định tại Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn NTM; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM giai đoạn 2016 - 2020.

2. Về kết quả thực hiện các Tiêu chí huyện NTM

Huyện Vũ Quang có:

- 100% số xã đạt chuẩn NTM theo quy định.
- 100% số Tiêu chí huyện NTM đạt chuẩn theo quy định.

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng NTM

Huyện Vũ Quang không còn nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới.

4. Về kết quả lấy ý kiến sự hài lòng của người dân đối với kết quả xây dựng huyện nông thôn mới

Tỷ lệ hài lòng của người dân đối với kết quả xây dựng huyện Vũ Quang đạt chuẩn nông thôn mới đạt từ 94,24% đến 99,52%, đảm bảo yêu cầu quy định.

III. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM XÂY DỰNG NTM HUYỆN VŨ QUANG CẦN TẬP TRUNG THỰC HIỆN TRONG THỜI GIAN TỚI

Quan triệt quan điểm "Nông nghiệp, nông dân, nông thôn là chiến lược; nông thôn mới là căn bản; tái cơ cấu ngành nông nghiệp, cùng với thực hiện Chương trình Mỗi xã một sản phẩm là then chốt; người nông dân là chủ thể". Tiếp tục chỉ đạo các xã đã đạt chuẩn duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí,

luôn cập nhật và thực hiện theo chuẩn mới, đi vào chiều sâu, thiết thực, phù hợp; chú trọng nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế nông thôn, nhất là xây dựng, phát triển các chuỗi liên kết sản xuất gắn với bảo quản, chế biến sản phẩm; đẩy mạnh công tác giữ gìn, bảo vệ môi trường; bảo tồn, phục dựng và phát huy những giá trị tốt đẹp của văn hóa truyền thống, tiếp thu tinh hoa văn hóa thời đại; phát huy lợi thế phát triển của các khu kinh tế trọng điểm để hỗ trợ phát triển cho vùng nông thôn. Xây dựng nông thôn mới bền vững (quan tâm cao những tiêu chí thiếu bền vững, các nội dung về phát triển kinh tế nông thôn, vấn đề văn hóa ứng xử, về môi trường, nhất là nước sạch và an toàn vệ sinh thực phẩm...), gắn với phát triển đô thị, hướng tới nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu. Tạo điều kiện và động lực cho người dân nâng cao hơn nữa vị thế của mình, thực sự là chủ thể và hưởng lợi các thành tựu đạt được.

1. Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục nâng cao nhận thức về xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn mới

Tiếp tục quán triệt và tuyên truyền sâu rộng các chủ trương, chính sách về xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, nhằm nâng cao nhận thức và tạo sự chuyển biến tích cực trong từng hành động của người dân; huy động cả hệ thống chính trị vào cuộc, phát huy vai trò người đứng đầu, trách nhiệm của từng đồng chí cán bộ, đảng viên để vận động người dân tích cực tham gia xây dựng phong trào.

Đổi mới, đa dạng hình thức, phương pháp tuyên truyền, nâng cao nhận thức về vai trò, trách nhiệm của người dân trong giai đoạn phát triển mới; tăng cường phổ biến, giới thiệu các mô hình kinh tế mang lại hiệu quả kinh tế trong sản xuất nông nghiệp, du lịch, dịch vụ tại các vùng nông thôn, trang trại, những kinh nghiệm hay từ thực tiễn công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng NTM để học tập và nhân rộng. Phát động rộng rãi các phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới mang tính thực chất, đi vào chiều sâu, nội dung đa dạng, hình thức phong phú, có tác dụng tạo sự đồng thuận cao và sức lan tỏa, làm thay đổi nhận thức của người dân cùng chung sức xây dựng nông thôn mới, đẩy lùi tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào nhà nước.

Thường xuyên sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm và kịp thời tôn vinh, khen thưởng những cá nhân, tập thể có nhiều đóng góp cho xây dựng nông thôn mới. Phát huy vai trò, trách nhiệm của nhân dân tham gia giám sát quá trình xây dựng nông thôn mới; tham gia bảo quản tốt các công trình, dự án hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn trên địa bàn.

2. Tăng cường công tác quản lý quy hoạch và tổ chức thực hiện hiệu quả Quy hoạch vùng huyện giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Triển khai thực hiện quy hoạch vùng huyện, trong đó tập trung xây dựng 3 vùng kinh tế tạo động lực để kéo các vùng khác cùng phát triển như: Thị trấn Vũ Quang tập trung phát triển đô thị, các loại hình thương mại, dịch vụ, các khu điểm vui chơi giải trí phục vụ du lịch; vùng Thọ Điền phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp chế biến sản phẩm nông - lâm nghiệp kết hợp với thương

mai - dịch vụ; vùng Chợ Bộng - Cầu Đồng Văn phát triển các Trung tâm thương mại, siêu thị mini, cửa hàng tiện ích và hình thành các kho bảo quản, trung tâm phân phối hàng hoá nông sản,... Điều chỉnh quy hoạch giao thông, quy hoạch chung các xã. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch trung tâm xã, thị trấn, các khu, điểm dân cư nông thôn đảm bảo chất lượng, phù hợp với thực tế.

Đề xuất cấp có thẩm quyền quy hoạch tổng thể phát triển du lịch, nuôi trồng thủy sản khu vực lòng hồ Ngàn Trươi, Vườn Quốc gia Vũ Quang. Tăng cường công tác quản lý theo quy hoạch, xây dựng kế hoạch, lộ trình cụ thể phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2020 - 2025 gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng để tổ chức thực hiện hàng năm.

Cụ thể hoá các quy hoạch bằng chính sách phát triển ngành, lĩnh vực theo hướng tăng trưởng xanh và bền vững, lấy khoa học công nghệ làm nền tảng, động lực phát triển, tận dụng tốt nhất cơ hội của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Phát triển nhanh các ngành, lĩnh vực có lợi thế trên cơ sở tập trung nguồn lực. Kết hợp chặt chẽ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường và biến đổi khí hậu.

3. Phát triển kinh tế nhanh và bền vững, xây dựng nhiều mô hình kinh tế mới gắn với nâng cao thu nhập cho người dân

3.1 Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong tái cơ cấu ngành Nông nghiệp theo hướng liên kết chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái bền vững

Đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng ngành Nông - Lâm nghiệp - Thủy sản, tiếp tục tái cơ cấu và hiện đại hóa ngành nông nghiệp theo hướng phát huy lợi thế vùng, hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn, công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế; chuyên dịch mạnh cơ cấu nội bộ ngành gắn với tăng quy mô và giá trị hàng hóa.

Rà soát, bổ sung quy hoạch sản xuất Nông - Lâm nghiệp - Thủy sản gắn với chuyên dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp, tạo ra nhiều sản phẩm hàng hoá có giá trị kinh tế cao, đáp ứng nhu cầu thị trường. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, từng bước ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ trong sản xuất nông nghiệp; tổ chức lại sản xuất theo hướng mở rộng các mô hình liên doanh, liên kết trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm gắn với xây dựng thương hiệu và truy xuất nguồn gốc sản phẩm; áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật đối với sản phẩm hàng hóa trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp. Tạo bước đột phá trong xây dựng khu dân cư mẫu, vườn mẫu, nhất là thu nhập từ kinh tế vườn; xây dựng, phát triển và nhân rộng mô hình kinh tế vườn đôi, mô hình “nông nghiệp sinh thái” tại các địa phương trên cơ sở nâng cấp các vườn mẫu hiện có đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn.

- Lĩnh vực trồng trọt: đầu tư thâm canh, nâng cao năng suất, chất lượng diện tích cây ăn quả hiện có (3.700ha) và trồng mới khoảng 500 ha cây ăn quả có

múi để hoàn thành diện tích theo đề án của huyện đã đề ra; tập trung ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật (quy trình sản xuất VietGAP, hệ thống tưới tiên tiến, kéo dài thời vụ, rải vụ...) để nâng cao năng suất, đồng nhất chất lượng sản phẩm, phát huy hiệu quả thương hiệu, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm; đầu tư trồng tái canh thay thế diện tích già cỗi, sâu bệnh bị thoái hóa có năng suất, chất lượng kém. Khuyến khích nông dân sử dụng các giống cây ăn quả chất lượng cao. Hỗ trợ hình thành một số vùng sản xuất cây ăn quả tập trung theo tiêu chuẩn VietGAP, sản xuất nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh học theo hướng mô hình “nông nghiệp sinh thái”. Khai thác tối đa tiềm năng phát triển các sản phẩm đặc sản, khác biệt của địa phương (cây nguyên liệu, dược liệu có giá trị kinh tế cao như: Đinh Lăng, Nghệ, Tỏi...) thành sản phẩm OCOP hướng vào nâng cao tiêu chuẩn, chất lượng, giá trị và thương hiệu, từng bước đưa sản phẩm OCOP của huyện vươn ra thị trường trong và ngoài nước.

Chuyển đổi linh hoạt cơ cấu cây trồng, sản phẩm phù hợp với lợi thế và nhu cầu thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; Điều chỉnh hợp lý cơ cấu giống lúa chất lượng thay thế dần lúa lai, phát triển các vùng sản xuất cây đậu xanh, lạc, cây ngô chuyên canh và các loại cây trồng cạn, rau củ quả có giá trị gia tăng cao hơn. Tăng cường đầu tư xây dựng và củng cố kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển nông nghiệp, tranh thủ nguồn vốn để đầu tư các công trình thủy lợi, hệ thống kênh mương liên xã, nâng cấp, sửa chữa hệ thống hồ chứa... Tranh thủ tối đa lợi thế công trình thủy lợi Ngàn Trươi cho phát triển sản xuất tại huyện, đảm bảo nguồn nước tưới cho các vùng gặp khó khăn.

- Lĩnh vực chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản: tiếp tục tổ chức lại sản xuất theo hướng linh hoạt về đối tượng nuôi, quy mô đàn theo nhu cầu thị trường. Phát triển bền vững các chuỗi liên kết chăn nuôi lợn, bò, hươu, gia cầm trang trại, gia trại quy mô lớn, kiểm soát chặt chẽ về an toàn dịch bệnh, bảo vệ môi trường; hỗ trợ tháo gỡ khó khăn phát triển mới các trang trại chăn nuôi quy mô lớn theo hình thức liên kết chuỗi trên địa bàn huyện theo quy hoạch. Tổ chức lại chăn nuôi nông hộ gắn chặt với yêu cầu liên kết, bảo đảm môi trường, theo phương thức chăn nuôi tiên tiến, kết hợp với phát triển chăn nuôi hữu cơ, sinh thái, nuôi các đối tượng bản địa, đặc sản, đáp ứng đa dạng nhu cầu thị trường tiêu dùng.

Khuyến khích Nhân dân cải tạo ao, hồ hiện có nuôi trồng thủy sản theo hướng ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm; xây dựng phương án khai thác hồ Ngàn Trươi - Cẩm Trang, đập dâng Vũ Quang để quy hoạch nuôi trồng thủy sản có giá trị kinh tế cao theo phương thức liên kết chuỗi giá trị. Kiện toàn và nâng cao năng lực hệ thống thú y cấp xã; nâng cấp, sửa chữa cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung tại thị trấn Vũ Quang để phục vụ công tác giết mổ tại 04 xã vùng thượng huyện, đầu tư xây dựng thêm cơ sở giết mổ tại khu vực Chợ Bộng để phục vụ công tác giết mổ tại 06 xã vùng hạ huyện.

- Lĩnh vực lâm nghiệp: Phát huy tiềm năng, lợi thế rừng và đất rừng, hình thành các vùng liên kết trồng rừng nguyên liệu tập trung gắn với tiêu thụ sản

phẩm phục vụ nhu cầu Nhà máy chế biến gỗ MDF, HDF Thanh Thành Đạt; đẩy mạnh phát triển diện tích 5.500 ha rừng nguyên liệu. Triển khai các biện pháp kỹ thuật lâm sinh trong trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng, trồng bổ sung và nâng cấp chất lượng rừng trồng sản xuất gỗ nhỏ sang gỗ lớn. Phát triển các mô hình nông lâm kết hợp, gắn với khai thác rừng bền vững, du lịch sinh thái; áp dụng quy trình kỹ thuật trồng rừng thâm canh, tăng năng suất và giá trị, phân đầu đến năm 2025 có khoảng 2.000 ha rừng trồng được cấp chứng chỉ rừng bền vững FSC. Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng gắn với thực hiện hiệu quả các giải pháp theo Nghị quyết 08/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 của HĐND huyện về Đề án phát triển rừng nguyên liệu giai đoạn 2018 - 2025.

Tăng cường công tác quản lý Nhà nước, quản lý chất lượng giống, vật tư nông nghiệp an toàn thực phẩm hàng hóa nông - lâm nghiệp - thủy sản. Quan tâm công tác tuyên truyền, tập huấn, hỗ trợ người dân thực hiện tốt chương trình quản lý dịch bệnh trên các loại cây trồng, vật nuôi. Hỗ trợ xây dựng một số mô hình sản xuất giống cây trồng, vật nuôi có lợi thế trên địa bàn huyện.

Thực hiện hiệu quả chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, HTX; xây dựng doanh nghiệp, HTX đầu đàn trong lĩnh vực nông nghiệp có đủ năng lực phát triển, dẫn dắt các doanh nghiệp, HTX khác. Khuyến khích, tạo điều kiện cho các hộ gia đình mở rộng quy mô, nâng cao hiệu quả hoạt động, tự nguyện liên kết hình thành các Tổ hợp tác hoặc chuyển đổi sang hoạt động kinh doanh theo mô hình doanh nghiệp, HTX trong sản xuất nông nghiệp. Khảo sát, đánh giá hiệu quả hoạt động của các HTX, THT để có hướng xử lý, hỗ trợ phù hợp. Triển khai có hiệu quả liên kết 5 nhà, lấy doanh nghiệp, HTX làm trung tâm của sự phát triển, cung cấp dịch vụ đầu vào, có chính sách điều tiết, hỗ trợ người nông dân còn khó khăn trong giai đoạn đầu ứng dụng KHKT vào sản xuất. Quan tâm xây dựng các mô hình kinh tế liên kết với doanh nghiệp đối với các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc trưng của huyện.

Ưu tiên nguồn lực, ban hành nghị quyết chuyên đề và chính sách khuyến khích, hỗ trợ, thu hút các Doanh nghiệp, HTX đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp xanh,...

3.2 Huy động tối đa các nguồn lực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ cho phát triển; chú trọng phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp

Xây dựng danh mục dự án kêu gọi đầu tư có chất lượng, tranh thủ sự ủng hộ của Trung ương, của Tỉnh để tiếp xúc, vận động, thu hút nguồn vốn đầu tư từ bên ngoài xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Trong đó, chú trọng các dự án phát triển tuyến đường Quốc lộ 281 kết nối từ cửa khẩu Quốc tế Cầu treo đi qua các xã: Thọ Điền, Đức Lĩnh, Đức Bông, Đức Hương; dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường Tỉnh lộ 552 kết nối từ huyện Đức Thọ đi Vũ Quang; dự án xây dựng mới cầu Cửa Rào - xã Quang Thọ, cầu Hóp Chuối - Thị trấn Vũ Quang, cầu Minh Giang - xã Đức Giang,... để kết nối các tuyến đường giao thông từ các huyện đến Vũ Quang phục vụ cho phát triển.

Đồng thời, huy động các nguồn lực tập trung nâng cấp, mở rộng các tuyến đường huyện, liên xã, trục xã.

Chủ động tiếp cận các nhà đầu tư, có ưu đãi đặc biệt đối với các nhà đầu tư lớn. Huy động tối đa các nguồn vốn cho đầu tư phát triển, nhất là trong các lĩnh vực đô thị, thương mại, dịch vụ, văn hoá... với hình thức huy động dựa vào tiềm năng, lợi thế của huyện, tài nguyên đất đai để xây dựng và áp dụng linh hoạt các cơ chế, chính sách thu hút đầu tư. Khuyến khích, ưu đãi các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng NTM và các lĩnh vực xã hội. Đẩy mạnh thực hiện chủ trương xã hội hóa trong các lĩnh vực: giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường,... Tiếp tục tranh thủ các dự án sử dụng nguồn vốn ODA, các dự án hỗ trợ của các Tổ chức phi Chính phủ (NGO),... Lòng ghép có hiệu quả nguồn vốn đầu tư của các doanh nghiệp, dân cư với nguồn vốn từ ngân sách nhà nước để xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ.

Tăng cường quản lý các dự án đầu tư xây dựng và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư phát triển thuộc ngân sách nhà nước, lựa chọn các dự án phải đảm bảo hiệu quả kinh tế - xã hội. Các cấp có thẩm quyền và người quyết định đầu tư chịu trách nhiệm kiểm soát chặt chẽ phạm vi, quy mô của từng dự án đầu tư theo đúng mục tiêu, lĩnh vực và chương trình đã được phê duyệt và phù hợp với nguồn vốn đã được bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2026.

Tiếp tục đẩy mạnh phát triển CN - TTCN bền vững, gắn với giải quyết nhiều việc làm mới, chuyển dịch cơ cấu lao động và tăng nguồn thu ngân sách theo Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 18/5/2018 của Tỉnh uỷ. Quy hoạch mở rộng cụm Công nghiệp Thọ Điền từ 42,17 ha lên 80 ha, ưu tiên quỹ đất phục vụ cho Nhà máy MDF, HDF Thanh Thành Đạt tiếp tục mở rộng quy mô sản xuất, chế biến sâu các sản phẩm từ gỗ. Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, tạo các cơ chế chính sách thật sự thông thoáng để các doanh nghiệp đầu tư vào các lĩnh vực: chế biến nông- lâm- thủy sản, chế biến thức ăn chăn nuôi gia súc, sản xuất bao bì, đồ nhựa gia dụng, sản xuất cơ khí,... Tại các xã quy hoạch tập trung các điểm công nghiệp nông thôn, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề truyền thống với quy mô (từ 1 - 5 ha), sản xuất các sản phẩm hợp lý, tăng trình độ công nghệ, đủ sức cạnh tranh và đảm bảo môi trường để thu hút các doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư vào các lĩnh vực, như: sửa chữa, bảo dưỡng, bảo trì ô tô, máy nông nghiệp; cán tôn; chế biến nông sản nhỏ và vừa,... sản xuất theo hướng liên kết, đa dạng hoá sản phẩm. Xây dựng kế hoạch để khôi phục các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, như: chè Trường Thọ, Mật mía (Sơn Thọ), gạch không nung Đức Bông, Quang Thọ,....

Đổi mới, nâng cao năng lực và hiệu quả công tác xúc tiến đầu tư, ưu tiên các doanh nghiệp có năng lực sản xuất kinh doanh đối với các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp khác phù hợp với định hướng phát triển của huyện. Đặc biệt, chú trọng kêu gọi các nhà đầu tư xây dựng nhà máy chế biến các sản phẩm từ cây ăn quả trên địa bàn huyện, nhằm nâng cao giá trị sản phẩm, gắn với thị trường tiêu thụ ổn định, tạo chuỗi giá trị bền vững. Nâng cao chất lượng đào

tạo nghề cho lao động địa phương để đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất và giải quyết việc làm. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 04/2015/NQ-HĐND của HĐND huyện về chính sách phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ.

3.3 Khai thác lợi thế Vườn Quốc gia Vũ Quang, hồ Ngàn Trươi, huy động tối đa các nguồn lực, phát triển du lịch, thương mại

- Lĩnh vực Du lịch: đa dạng hoá các kênh vận động, xúc tiến đầu tư để mời gọi các tập đoàn kinh tế, doanh nghiệp lớn khảo sát, xây dựng quy hoạch tổng thể và đầu tư phát triển du lịch khu vực lòng hồ Ngàn Trươi gắn với Vườn Quốc gia Vũ Quang, di tích lịch sử cấp quốc gia Phan Đình Phùng và nghĩa quân gắn với đường Hồ Chí Minh, kết nối trục phát triển phía Tây của tỉnh. Tập trung đầu tư và kêu gọi đầu tư phát triển hạ tầng du lịch đồng bộ; bảo tồn, nâng cấp, tôn tạo các di tích lịch sử văn hoá trên địa bàn. Xây dựng các sản phẩm du lịch đặc trưng, khác biệt gắn với tiềm năng của địa phương; hình thành các sản phẩm du lịch nhà vườn, du lịch trải nghiệm NTM.

Tranh thủ tối đa cấp có thẩm quyền để phê duyệt khu, điểm du lịch trên địa bàn huyện. Trước mắt, chủ động quy hoạch và xin phép đưa vào khai thác tạm thời các tuyến du lịch: Thị trấn Vũ Quang - hồ Ngàn Trươi - thành lũy Phan Đình Phùng và nghĩa quân - thác Trại Cưa để khai thác tua du lịch sinh thái, tua du lịch khám phá Vườn Quốc gia Vũ Quang - thác Thang Đày, tua du lịch sinh thái - du thuyền - ẩm thực vùng đập dâng Vũ Quang,... nhằm quảng bá vẻ đẹp nguyên sơ của Vườn Quốc gia Vũ Quang, hồ thủy lợi lớn thứ 3 toàn quốc và di tích lịch sử cấp quốc gia - căn cứ địa phong trào Cần Vương. Từng bước kết nối với tua, tuyến du lịch liên tỉnh dọc tuyến đường Hồ Chí Minh: từ Phong Nha Kẻ Bàng (Quảng Bình) - Vườn Quốc gia Vũ Quang (Hà Tĩnh) - Vườn Quốc gia Phù Cát (Nghệ An).

Quy hoạch, bảo vệ và phát triển rừng tự nhiên, gồm: các hệ sinh thái rừng nguyên sinh; các loại động vật, thực vật quý hiếm, bảo tồn đa dạng sinh học; tôn tạo và phát triển vườn sưu tập cây thuốc; thu hút nguồn lực thực hiện các dự án xây dựng trung tâm cứu hộ, bảo tồn và phát triển sinh vật tại Vườn Quốc gia Vũ Quang; cải tạo, nâng cấp nhà trưng bày, lưu trữ mẫu vật; khu dự trữ thiên nhiên cấp quốc gia vùng núi Giăng Màn,...

Tăng cường công tác truyền thông nhằm quảng bá về tiềm năng, lợi thế để khai thác phát triển du lịch sinh thái, du lịch văn hoá, du lịch mạo hiểm cho các nhà đầu tư tiềm năng. Khai thác tối đa mạng xã hội, các công cụ tìm kiếm, trang Web,... để quảng bá hình ảnh, sản vật, văn hoá và con người Vũ Quang. Định hướng và nâng cao nhận thức cho cán bộ và Nhân dân tầm quan trọng của du lịch, thương mại trong phát triển kinh tế - xã hội, từ đó khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia vào phát triển du lịch, bảo vệ tài nguyên, môi trường.

Tập trung đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý và lao động trong ngành du lịch đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ. Tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý du lịch cho đội ngũ cán bộ quản lý từ huyện đến xã và đội ngũ quản lý các khu, điểm du lịch

của huyện; các đơn vị kinh doanh du lịch, chủ các nhà hàng, khách sạn,... trên địa bàn. Tăng cường phổ biến, trang bị các kiến thức, kỹ năng cơ bản về phát triển du lịch cộng đồng, gắn với bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống; phát triển du lịch có trách nhiệm với môi trường. Khuyến khích kết nối, liên kết thành lập các doanh nghiệp, HTX hoạt động lành mạnh trên địa bàn huyện.

- Lĩnh vực Thương mại - Dịch vụ: tích cực hỗ trợ, thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào các vùng kinh tế trọng điểm của huyện; chú trọng quy hoạch, bố trí quỹ đất để đầu tư phát triển các dự án thương mại, dịch vụ; ưu tiên phát triển hệ thống phân phối hiện đại như trung tâm thương mại, trung tâm mua sắm, siêu thị mini, các cửa hàng tiện lợi. Nâng cấp hạ tầng thương mại hiện có, phát triển mạng lưới cửa hàng mua bán truyền thống; thành lập, hỗ trợ phát triển một số doanh nghiệp, HTX thương mại - dịch vụ nhằm thực hiện dịch vụ “đầu vào” cho sản xuất và tổ chức “đầu ra” tiêu thụ sản phẩm cho nông dân trên địa bàn. Làm tốt các hoạt động xúc tiến thương mại; xây dựng chương trình xúc tiến thương mại gắn với phát triển thị trường; tăng cường liên kết, hợp tác tìm kiếm thị trường nội địa, liên huyện, liên vùng để tiêu thụ các mặt hàng nông nghiệp thế mạnh của huyện. Phát triển đa dạng các loại hình dịch vụ ở nông thôn (giống, vật tư, tín dụng, tư vấn sản xuất - kinh doanh, xuất khẩu lao động...) gắn với đào tạo nghề, chuyển đổi việc làm, thu hút lao động, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng nâng cao tỷ trọng công nghiệp, thương mại, dịch vụ.

Cấp ủy các cấp ban hành Nghị quyết chuyên đề và chính sách khuyến khích, hỗ trợ, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực thương mại, dịch vụ, du lịch.

4. Tăng cường công tác quản lý, điều hành ngân sách; đa dạng hóa nguồn lực để đầu tư đồng bộ cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; ban hành các cơ chế chính sách

Đẩy mạnh công tác thu ngân sách, xây dựng và khai thác tốt các nguồn thu, trong đó, khai thác có hiệu quả quỹ đất để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, chỉnh trang đô thị, gắn với phát triển thị trấn, các khu trung tâm xã và khu dân cư nông thôn; triển khai quyết liệt các biện pháp chống thất thu ngân sách.

Tạo chuyển biến mạnh mẽ trong xã hội hóa đầu tư xây dựng các công trình, như: khu thương mại - dịch vụ, chợ nông thôn, cụm CN - TTCN, khu thể thao, vui chơi giải trí, hạ tầng du lịch thiết yếu,... Sử dụng có hiệu quả nguồn ngân sách, tập trung đầu tư vào các dự án trọng điểm, dự án có khả năng thu hồi vốn nhanh, các dự án để khai thác tiềm năng, lợi thế của huyện. Tranh thủ sự hỗ trợ của Trung ương, của tỉnh, từ các chương trình mục tiêu quốc gia và các nguồn vốn khác để phát triển. Đảm bảo điều hành ngân sách theo kế hoạch, tăng nguồn chi đầu tư phát triển. Phân cấp quản lý tài chính, ngân sách theo hướng tăng quyền chủ động, gắn với trách nhiệm cho các địa phương, đơn vị. Tiếp tục huy động hiệu quả sự tham gia đóng góp, đầu tư của xã hội, các doanh nghiệp và người dân để phát triển.

Tập trung thực hiện lồng ghép tốt, kịp thời các nguồn vốn từ các chương trình, dự án với nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia để phát huy hiệu quả đầu tư. Ưu tiên hỗ trợ thực hiện các tiêu chí có thể tạo nên sự phát triển đột phá với phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn, trọng tâm là cơ sở hạ tầng sản xuất, như: hoàn thiện nâng cấp hệ thống giao thông quốc lộ, tỉnh, huyện lộ; các công trình phúc lợi,... gắn với phát huy mạnh mẽ nội lực để xây dựng hoàn chỉnh, đồng bộ hệ thống GTNT, GTNĐ, kênh mương nội đồng, tạo điều kiện thuận lợi nhất trong phát triển sản xuất nhằm nâng cao năng suất, sản lượng, giá trị hàng hóa, sản phẩm cũng như lưu thông trao đổi tiêu thụ hàng hóa.

Chú trọng xây dựng hệ thống thu gom nước thải, rác thải ở từng xã, thôn, trong khu dân cư và công trình vệ sinh hộ dân. Xác định đúng đối tượng, tập trung lồng ghép nguồn kinh phí từ chương trình mục tiêu quốc gia để thực hiện các chương trình phúc lợi cho người dân, như: y tế, giáo dục, nước sạch có hiệu quả, đạt tỷ lệ cao, nhất là chương trình xóa nghèo bền vững.

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách của tỉnh và trung ương; đồng thời, đánh giá hiệu quả các cơ chế, chính sách huyện đã ban hành trong thời gian qua, để điều chỉnh, bổ sung cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích xây dựng NTM, đô thị văn minh trong giai đoạn mới. Có chính sách hỗ trợ các ý tưởng sáng tạo, khởi nghiệp, thu hút lao động trẻ cho nhà máy chế biến gỗ, nhà máy thủy điện; xây dựng mô hình du lịch nhà vườn, du lịch trải nghiệm NTM; chú trọng phát triển thương mại điện tử gắn quảng bá tiềm năng, văn hóa và con người Vũ Quang.

5. Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và các hoạt động văn hóa, thông tin, thể thao; thực hiện tốt công tác chính sách và đảm bảo an sinh xã hội

Thực hiện có hiệu quả đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo; đảm bảo các điều kiện để thực hiện tốt chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông theo lộ trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo, kế hoạch của UBND tỉnh phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương. Tiếp tục sắp xếp hệ thống trường lớp, khuyến khích phát triển các cơ sở giáo dục ngoài công lập. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện gắn với chú trọng phát triển kỹ năng sống cho học sinh, chú trọng giáo dục mũi nhọn. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa, huy động tối đa các nguồn lực để đầu tư cơ sở vật chất củng cố, nâng cao các tiêu chí trường đạt chuẩn quốc gia. Giữ vững phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phấn đấu phổ cập giáo dục THCS đạt mức độ 3. Thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 17/NQ-HĐND của HĐND huyện về đề án phát triển giáo dục mầm non, tiểu học và THCS đến năm 2025 và những năm tiếp theo; đồng thời, có chính sách để hỗ trợ, đãi ngộ đối với giáo viên cốt cán, giáo viên có năng lực. Nâng cao chất lượng đội ngũ theo quy định của Luật giáo dục hiện hành và đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông. Nâng cao chất lượng giáo dục ở các cấp học nhất là chất lượng các lớp đầu cấp tiểu học, THCS, cuối cấp THPT. Chú trọng công tác giáo dục lý tưởng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, thể chất cho học sinh. Thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 333/KH-UBND ngày 17/10/2018 về Triển khai Đề án dạy và học ngoại ngữ

trong các trường mầm non, phổ thông Hà Tĩnh giai đoạn 2017 – 2025; triển khai có hiệu quả Đề án “Nâng cao chất lượng dạy học Ngoại ngữ” trên địa bàn huyện, tạo chuyển biến về chất lượng dạy và học ngoại ngữ trong các nhà trường.

Thực hiện có hiệu quả giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng theo Kế hoạch số 182/KH-UBND ngày 28/6/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông Hà Tĩnh giai đoạn 2018 - 2025”. Củng cố, phát triển mạng lưới các cơ sở giáo dục, đặc biệt là Trung tâm giáo dục nghề nghiệp-giáo dục thường xuyên, trung tâm học tập cộng đồng; Nâng cao chất lượng của các tổ chức Hội Khuyến học để làm nòng cốt trong xây dựng xã hội học tập; phát triển và nâng cao chất lượng các mô hình khuyến học, khuyến tài.

Thực hiện tốt các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế. Củng cố, kiện toàn mạng lưới y tế ở cơ sở; nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống dịch bệnh, ứng phó kịp thời với các tình huống khẩn cấp, không để dịch bệnh lớn xảy ra. Tập trung nâng cao chất lượng của Trung tâm Y tế huyện sau sáp nhập. Huy động nguồn lực đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, đặc biệt là tại các trạm y tế; chú trọng công tác quản lý, điều trị bệnh không lây nhiễm (tăng huyết áp, đái tháo đường, COPD...). Đào tạo, phát triển nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu về chuyên môn và y đức. Tuyên truyền, vận động nhân dân, doanh nghiệp tham gia thực hiện tốt chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế. Thực hiện tốt chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình, giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng, tỷ lệ sinh con thứ 3.

Quan tâm phát triển các dịch vụ văn hóa, gắn phát triển văn hóa với du lịch. Phát huy hiệu quả các loại hình văn hóa, văn nghệ, xây dựng hình ảnh về vùng đất, con người Vũ Quang thân thiện; xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, an toàn, tạo điều kiện cho người dân được sáng tạo và thụ hưởng các giá trị văn hóa. Nâng cao chất lượng các hoạt động thông tin tuyên truyền, văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao; phát huy hiệu quả hoạt động các thiết chế văn hóa; bổ sung cơ sở vật chất phục vụ công tác tuyên truyền ở cơ sở. Lòng ghép hiệu quả các nội dung phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” với củng cố, nâng cao các tiêu chí trong xây dựng NTM. Khuyến khích xã hội hóa đầu tư trong xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao, khu vui chơi, giải trí. Quy hoạch, quản lý và có kế hoạch đầu tư nâng cấp, bảo tồn, phát huy giá trị các di tích lịch sử, văn hóa trên địa bàn.

Thực hiện có hiệu quả công tác tư vấn, giới thiệu, giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho lao động nông thôn; gắn đào tạo nghề với giải quyết việc làm và nhu cầu của doanh nghiệp, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế và chuyển dịch cơ cấu cơ cấu lao động của huyện trong thời gian tới. Chú trọng thực hiện tốt công tác xuất khẩu lao động. Tập trung thực hiện chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, hỗ trợ và huy động các nguồn lực, phân loại, giúp đỡ hộ nghèo theo các chiều tiếp cận để giảm nghèo nhanh và bền vững. Triển khai kịp thời, đồng bộ các chính sách đối với người có công, bảo trợ xã hội và

đảm bảo an sinh xã hội. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện chế độ, chính sách. Giải quyết dứt điểm hồ sơ còn vướng mắc. Thực hiện tốt các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, chăm sóc, giúp đỡ người có công với cách mạng.

6. Thực hiện tốt công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, tài nguyên - môi trường, chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu

Thực hiện đảm bảo các quy trình, thủ tục đầu tư xây dựng cơ bản theo quy định của Luật Đầu tư công. Làm tốt công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư cho các hộ dân đảm bảo theo quy định. Huy động nguồn lực để đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng theo tiêu chí nông thôn mới, hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội theo kế hoạch và định hướng phát triển của huyện. Ưu tiên đầu tư mới và nâng cấp các hạ tầng kỹ thuật thiết yếu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; rà soát, bổ sung quy hoạch, đầu tư khớp nối đồng bộ hệ thống giao thông của xã với giao thông của huyện và tỉnh. Hoàn thành chỉ tiêu bê tông hóa giao thông nông thôn trên địa bàn (100km); phối hợp nâng cấp nhà máy nước tại thị trấn Vũ Quang, mở rộng mạng lưới cung cấp nước từ Nhà máy nước Vũ Quang để phục vụ cho các xã, thị trấn thuộc huyện. Đầu tư mở rộng, nâng cấp hạ tầng điện sinh hoạt, đảm bảo 100% số hộ gia đình được sử dụng điện chất lượng, ổn định và an toàn. Quản lý tốt hành lang an toàn lưới điện và kiên cố hóa hệ thống điện sau công - tơ. Phát huy hiệu quả hệ thống thủy lợi và hồ Ngàn Trươi - Cẩm Trang để đảm bảo nước sản xuất và sinh hoạt của người dân. Triển khai thực hiện hiệu quả chương trình nước sạch, đảm bảo an ninh nguồn nước theo tiêu chuẩn phục vụ sinh hoạt của Nhân dân khu vực nông thôn, đô thị. Nâng cao năng lực chống chịu, chủ động phòng tránh, giảm nhẹ, thích nghi, ứng phó biến đổi khí hậu.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực đất đai, tài nguyên, môi trường. Hoàn thành công tác lập và thực hiện có hiệu quả Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn (2021 - 2030) và kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu (2021 - 2025) cấp huyện, xây dựng kế hoạch sử dụng đất hàng năm đảm bảo sát tình hình thực tế. Tiếp tục rà soát, xử lý những tồn đọng, vướng mắc, sai sót trong quá trình cấp giấy chứng nhận QSDĐ; hoàn thành việc cấp giấy chứng nhận QSDĐ lâm nghiệp cho người dân khu vực tái định cư. Ngăn chặn, xử lý kịp thời, nghiêm minh các trường hợp vi phạm trong quản lý, sử dụng đất, xây dựng công trình, nhà ở, khai thác khoáng sản.

Nâng cao năng lực giám sát về môi trường; xử lý triệt để các cơ sở, các điểm gây ô nhiễm môi trường; xây dựng và vận hành lò đốt rác của huyện tại xã Đức Hương, vận động Nhân dân thực hiện tốt vệ sinh môi trường cộng đồng và phân loại rác thải sinh hoạt trong gia đình; thực hiện đồng bộ các giải pháp tại Đề án thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn ban hành kèm theo Nghị quyết 08/2017/NQ-HĐND của HĐND huyện, phấn đấu cuối năm 2025 100% rác thải rắn sinh hoạt tại các xã được thu gom và xử lý.

Các trạm y tế và Trung tâm y tế huyện làm tốt công tác thu gom, phân loại rác ngay đầu nguồn, đơn vị để rác thải y tế được thu gom, lưu trữ, vận chuyển bằng thiết bị chuyên dùng về lò xử lý tập trung.

7. Đẩy mạnh công tác bảo đảm an ninh, trật tự - an toàn xã hội nông thôn

Lãnh đạo thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 28 của Ban chấp hành Trung ương (khóa XI) về “Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”. Xây dựng tiềm lực chính trị, tinh thần vững chắc, lấy “thế trận lòng dân” là cốt lõi, trong đó xây dựng xã, thị trấn vững mạnh toàn diện làm nền tảng, phối hợp chặt chẽ tạo thành thế liên hoàn các thành phần thế trận trong KVPT. Chỉ đạo và triển khai quy hoạch xây dựng thế trận quốc phòng KVPT vững chắc, xây dựng một số hạng mục công trình trong khu căn cứ chiến đấu và thao trường bắn; đổi mới tổ chức các cuộc diễn tập KVPT huyện, diễn tập chiến đấu phòng thủ xã, thị trấn sát với tình hình nhiệm vụ của địa phương. Hàng năm, kịp thời bổ sung điều chỉnh các phương án sát với tình hình nhiệm vụ A, A2, A3 và A4, phòng chống thiên tai, cháy rừng, lụt bão, cứu hộ, cứu nạn.

Phát động, nâng cao hiệu quả phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Xây dựng lực lượng Công an từ huyện đến cơ sở trong sạch, vững mạnh. Tích cực đấu tranh ngăn chặn, trấn áp tội phạm; chủ động phòng ngừa, ngăn chặn, kiềm chế không để gia tăng tội phạm. Đấu tranh đẩy lùi các tệ nạn xã hội, thực hiện các giải pháp đồng bộ giảm thiểu tai nạn giao thông. Mở rộng và nâng cao chất lượng hoạt động của các mô hình tự quản về an ninh trật tự ở các thôn, tổ dân phố.

Tổ chức tốt phong trào toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới Quốc gia trong tình hình mới theo Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 09/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ; xây dựng thế trận “Biên phòng toàn dân” gắn với thế trận “Quốc phòng toàn dân” và “An ninh nhân dân” vững chắc ở khu vực biên giới gắn với bảo vệ vườn Quốc gia Vũ Quang, khu vực lòng hồ Ngàn Trươi - Cẩm Trang. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục kiến thức pháp luật cho các tầng lớp Nhân dân, nâng cao nhận thức về chủ quyền lãnh thổ biên giới quốc gia, về quyền và nghĩa vụ tham gia xây dựng, bảo vệ biên giới, đồng thời thực hiện các phong trào “Tự quản đường biên, cột mốc” trên địa bàn 2 xã biên giới Quang Thọ và Thọ Điền. Nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động đối ngoại theo chương trình kết nghĩa với huyện Khăm Cốt, tỉnh Bolykhămxay, nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và với các huyện kết nghĩa trong nước.

Không ngừng tuyên truyền các đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, chấp hành pháp luật của Nhà nước. Phát hiện và xử lý kịp thời các đối tượng vi phạm pháp luật, nêu cao ý thức tố cáo tội phạm trong nhân dân.

Phát huy các tổ liên gia trong thôn, xóm để giải quyết kịp thời các mâu thuẫn tại cơ sở. Luôn phát huy khơi dậy tình làng nghĩa xóm, kịp thời giúp đỡ, tạo điều kiện để người nghèo, người yếu thế, người làm lỗi cùng vươn lên hòa nhập cộng đồng, nêu cao tinh thần tương thân tương ái, nhà nhà, người người

gắn bó keo sơn, xây dựng con người NTM luôn hướng tới đạo đức, văn minh, giữ gìn truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc.

8. Cấp ủy đảng, chính quyền các cấp tập trung cao trong lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh Chương trình xây dựng nông thôn mới; thực hiện có hiệu quả phong trào thi đua "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh" một cách toàn diện hơn, gắn với thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, nhất là các chỉ tiêu về giảm tỷ lệ hộ nghèo, tăng việc làm, xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội, cải thiện đời sống nhân dân, tăng cường quốc phòng, an ninh, giữ vững an ninh chính trị, bảo đảm trật tự an toàn xã hội.

Đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của các cấp ủy đảng, xác định rõ nội dung trọng tâm cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm, sức chiến đấu và năng lực định hướng của các cấp ủy trong công tác xây dựng Đảng và vận động quần chúng để các tổ chức đảng thật sự là hạt nhân lãnh đạo toàn diện Chương trình xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đối với các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên trong xây dựng nông thôn mới. Làm tốt công tác giáo dục chính trị - tư tưởng cho đảng viên, đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, thực hiện nêu gương của cán bộ, đảng viên thể hiện vai trò, trách nhiệm trong xây dựng nông thôn mới. Mạnh dạn đề bạt, luân chuyển, khen thưởng, phê bình, kiểm điểm, kỷ luật cán bộ, đảng viên một cách kịp thời để đảm bảo thực hiện tốt mục tiêu đề ra.

Tiếp tục nâng cao trách nhiệm của các Đoàn, tổ công tác chỉ đạo cơ sở; xây dựng chuyên môn, chuyên nghiệp của Văn phòng Điều phối nông thôn mới huyện, cán bộ chuyên trách cấp xã đáp ứng ngày càng cao vai trò điều phối xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh từ huyện đến xã;

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng về nội dung, phương thức hoạt động, tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên tham gia tích cực thực hiện một số nội dung xây dựng nông thôn mới cụ thể góp phần xây dựng thành công huyện nông thôn mới kiểu mẫu. Phát huy tốt vai trò giám sát, đánh giá, phản biện xã hội trong xây dựng nông thôn mới. Đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh". Phát huy hiệu quả quy chế dân chủ cơ sở. Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, đền ơn đáp nghĩa, giảm nghèo bền vững.

Tiếp tục đưa và xem mức độ hoàn thành các tiêu chí trong xây dựng nông thôn mới để đưa vào chấm điểm thi đua, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng Đảng hàng năm của các địa phương đơn vị.

Đối với những tồn tại, hạn chế ngay trong năm 2020 huyện tập trung cao để khắc phục để nâng cấp về tiêu chuẩn của các nội dung, tiêu chí.

Trên cơ sở những thành quả đã đạt được, phát huy cao những tiềm năng, lợi thế của địa phương là nền tảng, cơ sở để huyện tiếp tục phấn đấu nâng cao

chất lượng các nội dung, tiêu chí, đảm bảo huyện đạt chuẩn nông thôn mới vững chắc, đồng thời sẽ tiếp tục xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nghiên cứu về xây dựng huyện nông thôn mới kiểu mẫu, dự kiến kiểu mẫu điển hình về “Phát triển kinh tế vườn đồi ứng dụng nhanh các tiến bộ khoa học, công nghệ, nông nghiệp hữu cơ thích ứng biến đổi khí hậu bền vững gắn với du lịch văn hóa tâm linh, du lịch sinh thái”

IV. KIẾN NGHỊ

Căn cứ kết quả thực hiện, đối chiếu với quy định tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 về việc ban hành tiêu chí huyện nông thôn mới và quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 về việc ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định công nhận huyện Vũ Quang đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Văn phòng Điều phối NTM Trung ương;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Thành viên BCD tỉnh;
- Các Sở, Ban, Ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh;
- UBND huyện Vũ Quang;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh (theo dõi NL);
- Trung tâm TT-CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, NL₄.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đặng Ngọc Sơn

BIỂU TỔNG HỢP
KẾT QUẢ THĂM TRA TIÊU CHÍ HUYỆN NÔNG THÔN MỚI
HUYỆN VŨ QUANG, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm Báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng 5 năm 2020 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)

| TT | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Tiêu chuẩn đạt chuẩn | Kết quả huyện tự đánh giá | Kết quả thẩm tra của tỉnh |
|----|----------------------------------|--|----------------------|---------------------------|---------------------------|
| 1 | Quy hoạch | Có quy hoạch xây dựng trên địa bàn huyện được phê duyệt | Đạt | Đạt | Đạt |
| 2 | Giao thông | 2.1. Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối tới các xã | Đạt | Đạt | Đạt |
| | | 2.2. Tỷ lệ km đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch | 100% | 100% | 100% |
| 3 | Thủy lợi | Hệ thống thủy lợi liên xã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch | Đạt | Đạt | Đạt |
| 4 | Điện | Hệ thống điện liên xã đồng bộ với hệ thống điện các xã theo quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của cả hệ thống | Đạt | Đạt | Đạt |
| 5 | Y tế - Văn hóa - Giáo dục | 5.1. Bệnh viện huyện đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng 3; Trung tâm y tế huyện đạt chuẩn quốc gia | Đạt | Đạt | Đạt |
| | | 5.2. Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn, có các hoạt động văn hóa - thể thao phù hợp kết nối với các xã có hiệu quả | Đạt | Đạt | Đạt |
| | | 5.3. Tỷ lệ trường Trung học phổ thông đạt chuẩn | ≥ 60% | 75% | 75% |
| 6 | Sản xuất | Hình thành vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung; hoặc có mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị, tổ chức liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ các sản phẩm chủ lực của huyện | Đạt | Đạt | Đạt |
| 7 | Môi trường | 7.1. Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đạt tiêu chuẩn | Đạt | Đạt | Đạt |
| | | 7.2. Cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ (công nghiệp, làng nghề, chăn nuôi, chế biến lương thực - thực phẩm) thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường | 100% | 100% | 100% |

| | | | | | |
|---|---|--|-----|-----|-----|
| 8 | An ninh, trật tự XH | Đảm bảo an toàn an ninh, trật tự xã hội | Đạt | Đạt | Đạt |
| 9 | Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới | 9.1. Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp huyện được kiện toàn tổ chức và hoạt động đúng quy định | Đạt | Đạt | Đạt |
| | | 9.2. Văn phòng điều phối Chương trình nông thôn mới cấp huyện được tổ chức và hoạt động đúng quy định | Đạt | Đạt | Đạt |